

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



ĐÀO LÊ KHÁNH THƯ

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ
THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Lâm Đồng – 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



ĐÀO LÊ KHÁNH THƯ

**TÊN ĐỀ TÀI: PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ
PHẦN TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG**

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS. VŨ NHỮ THẮNG**
- 2. TS. PHẠM TRÍ HÙNG**

Lâm Đồng – 2026

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Luật Kinh tế với đề tài: “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng”, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, tôi đã nhận được sự quan tâm, hướng dẫn và hỗ trợ tận tình từ quý Thầy, Cô, gia đình và đồng nghiệp.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu cùng toàn thể quý Thầy, Cô Khoa Luật Kinh tế – Trường Đại học Phan Thiết. Những kiến thức chuyên sâu về Luật Kinh tế, đặc biệt là pháp luật về doanh nghiệp và quản trị công ty cổ phần mà quý Thầy, Cô đã truyền đạt trong suốt quá trình học tập, là nền tảng lý luận quan trọng giúp tôi thực hiện và hoàn thiện báo cáo này.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời tri ân chân thành và sâu sắc đến TS. Phạm Trí Hùng. Sự tận tâm, tinh thần trách nhiệm, những định hướng khoa học sắc bén cùng những góp ý thiết thực của Thầy đã giúp tôi phát triển tư duy pháp lý, đảm bảo tính logic, chặt chẽ và phù hợp với tính chất chuyên môn của đề tài.

Mặc dù đã nỗ lực hoàn thiện báo cáo ở mức tốt nhất, song do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm thực tiễn, nội dung không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý, phê bình của quý Thầy, Cô và các chuyên gia để báo cáo được hoàn thiện hơn, đồng thời giúp tôi tích lũy thêm kinh nghiệm phục vụ cho công việc chuyên môn sau này.

Xin trân trọng cảm ơn!

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 01 năm 2026

TÁC GIẢ

Đào Lê Khánh Thu

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết đề án này được hoàn thành dựa trên các kết quả nghiên cứu của tôi và các kết quả của nghiên cứu này chưa được dùng cho bất cứ đề án cùng cấp nào khác. Các số liệu, kết quả nêu trong đề án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin, tài liệu trích dẫn trong luận văn được ghi rõ nguồn gốc. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 01 năm 2026

TÁC GIẢ

Đào Lê Khánh Thư

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT

Giới thiệu chủ đề và mục tiêu nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu khung pháp lý về quản trị công ty cổ phần (CTCP) theo Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tiễn thi hành tại tỉnh Lâm Đồng – địa phương có đặc thù kinh tế nông nghiệp, du lịch với đa số doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mục tiêu của đề tài là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đánh giá khách quan thực trạng tuân thủ pháp luật quản trị tại địa phương, từ đó nhận diện các rào cản pháp lý và thực tiễn để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị, đảm bảo minh bạch và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp pháp lý đặc thù. Phương pháp phân tích và tổng hợp được dùng để hệ thống hóa quy định pháp luật; phương pháp so sánh luật học đối chiếu luật thực định với chuẩn mực quốc tế (OECD). Đặc biệt, nghiên cứu chú trọng phương pháp thống kê và nghiên cứu hồ sơ vụ việc (case study) từ các tranh chấp tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để cung cấp minh chứng thực tiễn về khoảng cách giữa luật và đời sống.

Kết quả nghiên cứu và nhận định chính: Kết quả cho thấy, mặc dù số lượng CTCP tại Lâm Đồng gia tăng, nhưng chất lượng quản trị còn nhiều hạn chế. Hơn 90% doanh nghiệp áp dụng mô hình có Ban Kiểm soát nhưng hoạt động mang tính hình thức, thiếu độc lập. Văn hóa kinh doanh “gia đình trị” và cơ cấu sở hữu cô đặc dẫn đến việc vô hiệu hóa vai trò giám sát nội bộ, vi phạm quy trình triệu tập họp ĐHĐCĐ và lỏng lẻo trong kiểm soát giao dịch tư lợi. Bên cạnh đó, tư duy “hành chính hóa” tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước cũng là rào cản lớn cho sự đổi mới sáng tạo.

Kết luận và đề xuất: Luận văn kết luận rằng nguyên nhân của các bất cập xuất phát từ chế tài chưa đủ mạnh và năng lực thực thi hạn chế. Tác giả kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm người quản lý và tiêu chuẩn thành viên độc lập. Riêng với Lâm Đồng, cần đẩy mạnh giải pháp “số hóa quản trị” thông qua liên thông dữ liệu giữa các cơ quan quản lý, khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi

sang mô hình Ủy ban Kiểm toán và ứng dụng công nghệ (E-voting) để minh bạch hóa môi trường kinh doanh.

TÓM TẮT TIẾNG ANH

Introduction to the Topic and Research Objectives: The thesis focuses on examining the legal framework for the corporate governance of joint-stock companies (JSCs) under the 2020 Law on Enterprises and its implementation in Lam Dong province - a locality characterized by an agriculture- and tourism-based economy with a predominance of small and medium-sized enterprises (SMEs). The objective of this study is to clarify theoretical issues and objectively assess the status of governance compliance in the locality. Thereby, it identifies legal and practical barriers to propose solutions for enhancing governance efficiency, ensuring transparency, and protecting shareholders' rights.

Research Methods: The author employs the methodology of dialectical materialism combined with specific legal research methods. The methods of analysis and synthesis are used to systematize legal regulations; comparative jurisprudence is applied to contrast positive law with international standards (OECD). Notably, the research emphasizes statistical methods and case studies derived from disputes at the People's Court of Lam Dong province to provide empirical evidence of the gap between the law and reality.

Research Results and Key Findings: The results indicate that although the number of JSCs in Lam Dong is increasing, the quality of governance remains limited. Over 90% of enterprises adopt the model with a Supervisory Board; however, its operation is largely formalistic and lacks independence. The business culture of “nepotism” (family-run businesses) and concentrated ownership structures have led to the neutralization of internal supervisory roles, violations of procedures for convening General Meetings of Shareholders, and lax control over self-dealing transactions. Furthermore, the “administrative mindset” in state-invested enterprises also poses a significant barrier to innovation.

Conclusions and Recommendations: The thesis concludes that the causes of these inadequacies stem from insufficiently strong sanctions and limited enforcement capacity. The author recommends improving the law regarding the

liability of managers and the standards for independent members. Specifically for Lam Dong, it is necessary to promote “governance digitalization” solutions through data interconnection between regulatory agencies, encouraging enterprises to transition to the Audit Committee model, and applying technology (E-voting) to increase transparency in the business environment.

MỤC LỤC

TRANG BÌA	i
TRANG BÌA PHỤ	ii
LỜI CẢM ƠN	iii
LỜI CAM ĐOAN	iv
TÓM TẮT TIẾNG VIỆT	v
TÓM TẮT TIẾNG ANH	vii
MỤC LỤC.....	ix
DANH TỪ CÁC TỪ VIẾT TẮT	xiii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài	3
3. Mục tiêu nghiên cứu	5
3.1. Mục tiêu tổng quát.....	5
3.2. Mục tiêu chi tiết.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu	7
5. Câu hỏi nghiên cứu đề tài	8
6. Phương hướng nghiên cứu	8
7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	9
7.1. Ý nghĩa khoa học.....	9
7.2. Ý nghĩa thực tiễn	9
8. Kết cấu của luận văn.....	10
PHẦN NỘI DUNG	11
Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN	11
1.1. Tổng quan về quản trị công ty cổ phần.....	11
1.1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của quản trị công ty cổ phần.....	11

1.1.2. Các nguyên tắc quản trị công ty cơ bản	12
1.1.3. Các mô hình quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam	15
1.2. Nội dung pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam	16
1.2.1. Quy định về cấu trúc quyền lực và phân cấp thẩm quyền trong quản trị công ty	16
1.2.2. Quy định về cơ chế kiểm soát nội bộ và minh bạch thông tin	17
1.2.3. Quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp ..	18
1.2.4. Quy định về bảo vệ cổ đông.....	19
1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực thi pháp luật về Quản trị Công ty	19
1.3.1. Yếu tố văn hoá kinh doanh và ý thức pháp luật của chủ thể quản lý.....	20
1.3.2. Tác động của quy mô và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp	20
1.3.3. Năng lực và vai trò của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh	21
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	22
Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG.....	23
2.1 Khái quát tình hình phát triển công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng	22
2.1.1. Về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động	23
2.1.2. Đặc điểm về cơ cấu sở hữu và tác động đến mô hình quản trị	25
2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định về mô hình và cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng	26
2.2.1. Việc lựa chọn mô hình quản trị công ty	26
2.2.2. Thực tiễn tổ chức và tính pháp lý của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	29
2.2.3. Thực tiễn hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)	31
2.2.4. Thực tiễn hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).....	33
2.2.5. Thực tiễn năng lực giải quyết tranh chấp về quản trị công ty tại cơ quan Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	33
2.3. Thực trạng tuân thủ quy định về nghĩa vụ của người quản lý và kiểm soát giao dịch tư lợi	34

2.3.1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng.....	34
2.3.2. Kiểm soát các giao dịch với người có liên quan	35
2.4. Thực trạng công bố thông tin và minh bạch hoạt động	39
2.4.1. Đối với nhóm công ty đại chúng	39
2.4.2. Đối với nhóm công ty chưa đại chúng	40
2.5. Đánh giá chung về thực tiễn áp dụng pháp luật quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng	41
2.5.1. Những kết quả đạt được	41
2.5.2. Những hạn chế, bất cập	42
2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quản trị doanh nghiệp và thực thi pháp luật	43
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	45
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG	46
3.1. Quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện pháp luật.....	46
3.1.1. Quan điểm chính trị - pháp lý về phát triển kinh tế tư nhân	46
3.1.2. Nguyên tắc tiếp cận: Tiệm cận chuẩn mực quốc tế và phù hợp đặc thù địa phương.....	47
3.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật.....	48
3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện chế tài pháp lý	48
3.2.2. Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế thực thi	48
3.2.3. Nhóm giải pháp về văn hoá và quản trị nội bộ.....	48
3.3. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế pháp lý và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi tại tỉnh Lâm Đồng	49
3.3.1. Thẻ chế hoá cơ chế “Quản trị số” và Liên thông dữ liệu pháp lý”	49
3.3.2. Chuẩn hoá mô hình quản trị đặc thù cho doanh nghiệp địa phương.....	51
3.3.3. Nâng cao năng lực xét xử của Toà án địa phương	52
3.3.4. Cơ chế giám sát chuyên biệt đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước	54

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....	55
PHẦN KẾT LUẬN	56
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	58
PHẦN PHỤ LỤC.....	62

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG TIẾNG VIỆT
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
CTNY	Công ty niêm yết
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
LDN 2020	Luật Doanh nghiệp năm 2020
LCK 2019	Luật Chứng khoán năm 2019
QTCT	Quản trị công ty
OECD	Organization for Economic Co-operation and Development – Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng và phát triển mạnh mẽ, Công ty cổ phần (CTCP) đã khẳng định vị thế là loại hình doanh nghiệp ưu việt, có khả năng huy động vốn linh hoạt và quy mô lớn nhất trong các chủ thể kinh doanh. Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (LDN 2020) và Luật Chứng khoán năm 2019 (LCK 2019) đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tư duy lập pháp, chuyển dịch trọng tâm từ “quản trị doanh nghiệp” sang “quản trị công ty” (Corporate Governance) theo các chuẩn mực quốc tế. Quản trị công ty (QTCT) tốt không chỉ là công cụ bảo vệ quyền lợi của cổ đông mà còn là “tấm khiên” giúp doanh nghiệp phát triển bền vững, minh bạch và thu hút nguồn lực đầu tư.

Tuy nhiên, từ quy định của pháp luật đến thực tiễn áp dụng luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Tại tỉnh Lâm Đồng – một địa bàn kinh tế trọng điểm của khu vực Tây Nguyên với đặc thù phát triển mạnh về du lịch, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao, mô hình CTCP đang phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Mặc dù vậy, thực tiễn cho thấy hoạt động quản trị tại các CTCP trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: cơ cấu tổ chức lỏng lẻo, xung đột lợi ích giữa các nhóm cổ đông, và sự tuân thủ pháp luật đôi khi còn mang tính hình thức.

Xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý và nhu cầu cấp bách của thực tiễn địa phương, tác giả lựa chọn đề tài: “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng” làm luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, với mong muốn đóng góp những giải pháp pháp lý và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp tại địa phương.

Việc lựa chọn đề tài này xuất phát từ những lý do cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn sau đây:

Thứ nhất, yêu cầu từ sự đổi mới căn bản của khung pháp lý về quản trị công ty.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 (có hiệu lực từ 01/01/2021) đã đưa ra nhiều quy định mới mang tính đột phá về quản trị công ty cổ phần, như: mở rộng quyền của cổ đông thiểu số, nâng cao tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) độc lập, và bổ sung mô hình quản trị có Ban Kiểm toán nội bộ. Những quy định này tiệm cận với các nguyên tắc quản trị tốt của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Tuy nhiên, việc hiểu và áp dụng đúng các quy định mới này vẫn là một thách thức lớn đối với cộng đồng doanh nghiệp, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu để đưa luật vào cuộc sống.

Thứ hai, vai trò then chốt của quản trị công ty đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Lâm Đồng.

Lâm Đồng đang trong giai đoạn tái cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, với sự chuyển dịch từ các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa sang mô hình công ty đại chúng và sự lớn mạnh của khối doanh nghiệp tư nhân. Để thu hút vốn đầu tư (đặc biệt là vốn ngoại cho các dự án du lịch, bất động sản nghỉ dưỡng và nông nghiệp công nghệ cao), các doanh nghiệp tại Lâm Đồng buộc phải minh bạch hóa thông tin và chuyên nghiệp hóa bộ máy quản trị. Một cơ chế quản trị yếu kém sẽ là rào cản lớn nhất cho sự phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên số.

Thứ ba, thực trạng bất cập trong áp dụng pháp luật quản trị công ty tại địa phương.

Thực tiễn tại Lâm Đồng cho thấy, phần lớn các CTCP có quy mô vừa và nhỏ (SMEs), phát triển từ nền tảng doanh nghiệp gia đình. Điều này dẫn đến tình trạng “bình mới rượu cũ”: mang danh nghĩa công ty cổ phần nhưng cách thức quản trị vẫn theo kiểu gia đình trị, thiếu sự tách bạch giữa quyền sở hữu và quyền quản lý. Các vi phạm phổ biến như: triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) không đúng trình tự, Ban Kiểm soát (BKS) hoạt động mờ nhạt, hay các giao dịch tư lợi của người quản lý chưa được kiểm soát chặt chẽ... đang diễn ra khá phổ biến. Những bất cập này không chỉ xâm phạm quyền lợi cổ đông mà còn tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp pháp lý, gây mất ổn định môi trường kinh doanh tại địa phương.

Thứ tư, khoảng trống trong nghiên cứu khoa học pháp lý tại địa bàn đặc thù.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản trị công ty ở cấp độ quốc gia hoặc tại các trung tâm kinh tế lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh), nhưng chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống nào đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật quản trị công ty cổ phần gắn liền với bối cảnh kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh Lâm Đồng.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng” không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học pháp lý mà còn mang tính thời sự cấp bách, góp phần đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp thực thi hiệu quả, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh nhà.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài

Quản trị công ty cổ phần là một định chế trung tâm của pháp luật doanh nghiệp hiện đại, đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và an toàn pháp lý cho các nhà đầu tư. Qua khảo cứu các tài liệu trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài có thể được phân loại theo ba nhóm tiếp cận chính sau đây:

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu về mô hình và lý luận quản trị công ty. Tiêu biểu là Luận án Tiến sĩ của Phạm Quý Đạt (2022)¹ về Mô hình Quản trị CTCP theo pháp luật Việt Nam hiện hành và bài viết của ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2023) về Hội đồng quản trị. Các công trình này đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận về mô hình đơn tầng (one-tier) và mô hình đa tầng (two-tier), phân tích sự tương thích của pháp luật Việt Nam với các mô hình Anglo-Saxon hay Continental Châu Âu, đồng thời nhận diện các yêu cầu hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả thực thi. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu dừng lại ở việc phân tích mô hình lý tưởng mà chưa đi sâu vào sự biến đổi của mô hình khi áp dụng vào các doanh nghiệp quy mô nhỏ mang tính địa phương.

¹ Phạm Quý Đạt (2022), “Mô hình Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam hiện hành”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2023)² tập trung vào địa vị pháp lý của Hội đồng quản trị trong hai mô hình nêu trên. Tác giả khẳng định dù ở mô hình nào, HĐQT vẫn là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất trong việc đại diện công ty, từ đó kiến nghị xây dựng khung pháp lý để đảm bảo tính độc lập của cơ quan này.

Đánh giá: Các công trình này đã xây dựng được hệ thống lý luận vững chắc. Tuy nhiên, giới hạn của nhóm nghiên cứu này là thường tiếp cận vấn đề ở tầm vĩ mô hoặc mô hình lý tưởng, chưa đi sâu vào sự biến đổi linh hoạt của mô hình khi áp dụng vào các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ tại các địa phương đặc thù.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu về bình luận và đánh giá quy định pháp luật thực định. Nhóm này tập trung phân tích kỹ thuật các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nổi bật là cuốn sách “Pháp luật về Doanh nghiệp” của Luật sư Trương Nhật Quang³. Tại Chương 13, tác giả đã phân tích toàn diện cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ, thẩm quyền của từng cơ quan quản trị và minh chứng các hạn chế pháp lý thông qua các bản án thực tế.

Ở khía cạnh cụ thể hơn, bài viết của ThS. Nguyễn Chí Dũng (2022)⁴ đã chỉ ra những “lỗ hổng” pháp lý cụ thể như: sự thiếu thống nhất trong quy định triệu tập họp ĐHĐCĐ khi khuyết thành viên HĐQT, mâu thuẫn trong quy định về trách nhiệm người quản lý và cơ chế kiểm soát giao dịch tư lợi chưa hiệu quả.

Mặc dù cung cấp những phân tích pháp lý sắc bén, nhưng các minh chứng thực tiễn trong các công trình này thường được lấy từ các công ty niêm yết (CTNY) lớn hoặc các án lệ kinh điển tại các trung tâm kinh tế lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh). Dữ liệu về thực tiễn tuân thủ pháp luật của khối doanh nghiệp chưa niêm yết tại các địa phương cấp tỉnh vẫn còn thiếu vắng.

² Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2023), “Hoàn thiện quy định pháp luật về Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần”, Tạp chí Công thương, Số 14, tr. 126-130.

³ Trương Nhật Quang (2021), “Pháp luật về Doanh nghiệp”, NXB Dân trí, Hà Nội, Chương 13.

⁴ Nguyễn Chí Dũng (2022), “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 – Bất cập và một số kiến nghị”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển, Số 14.

Thứ ba, nhóm nghiên cứu về các yếu tố tác động đến hiệu quả quản trị.

Cách tiếp cận này xem xét quản trị công ty dưới lăng kính kinh tế - xã hội. Bài viết của ThS. Đặng Hoài Đình (2023) đã chỉ ra rằng bên cạnh khung khổ pháp lý và hội nhập kinh tế, các yếu tố phi pháp lý như văn hóa kinh doanh và truyền thống gia đình có tác động mạnh mẽ đến mô hình quản trị tại Việt Nam.⁵

Đây là hướng tiếp cận quan trọng để giải thích sự chênh lệch giữa quy định của luật và thực tế áp dụng. Tuy nhiên, các nhận định này mang tính khái quát chung cho toàn quốc, chưa được cụ thể hóa bằng các khảo sát thực địa tại các vùng kinh tế có đặc thù riêng biệt như tỉnh Lâm Đồng.

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, mặc dù hệ thống lý luận và phân tích luật thực định về quản trị CTCP đã khá phong phú, nhưng vẫn tồn tại một “khoảng trống nghiên cứu” rõ rệt. Đó là sự thiếu vắng các công trình đánh giá toàn diện tính hiệu quả và mức độ tuân thủ pháp luật quản trị công ty trong bối cảnh kinh tế - xã hội đặc thù của một địa phương cụ thể như Lâm Đồng – nơi quy mô doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ, chịu ảnh hưởng đan xen của văn hóa kinh doanh địa phương.

Luận văn “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng” sẽ kế thừa các thành tựu lý luận đi trước, nhưng đi sâu vào giải quyết khoảng trống nghiên cứu nêu trên thông qua dữ liệu thực tiễn tại địa phương, đảm bảo tính mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và khung pháp lý hiện hành về quản trị công ty cổ phần. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung phân tích, đánh giá khách quan thực trạng thi hành các quy định pháp luật về quản trị CTCP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn hướng tới việc đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp

⁵ Đặng Hoài Đình (2023), “Quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam: Các nhân tố ảnh hưởng và phương hướng hoàn thiện pháp luật”, Tạp chí Công Thương, Số 22, Tháng 9/2023.

luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của loại hình doanh nghiệp này tại địa phương.

3.2. Mục tiêu chi tiết

Để đạt được mục tiêu tổng quát, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản trị công ty cổ phần, làm rõ bản chất pháp lý của mối quan hệ giữa sở hữu và quản lý trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của người quản lý, cơ chế kiểm soát nội bộ và bảo vệ cổ đông.

Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật tại tỉnh Lâm Đồng thông qua các dữ liệu thống kê, hồ sơ vụ việc và thực tiễn tranh chấp; nhận diện các rào cản pháp lý và thực tế.

Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện thể chế và các giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp với đặc thù kinh tế của tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu đã xác định, đề án tập trung vào hai nhóm đối tượng nghiên cứu chủ yếu sau:

Thứ nhất, về phương diện lý luận và quy phạm: Đối tượng nghiên cứu là hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quản trị công ty cổ phần (trọng tâm là Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành). Đề án tập trung vào các chế định điều chỉnh cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của bộ máy quản lý và cơ chế kiểm soát trong công ty cổ phần.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn: Đối tượng nghiên cứu là thực tiễn áp dụng pháp luật và thực trạng tuân thủ các quy định về quản trị công ty tại các doanh nghiệp. Cụ thể bao gồm: hoạt động tổ chức bộ máy quản lý, quy trình ra quyết định, và các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ doanh nghiệp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Đề án không dàn trải nghiên cứu toàn bộ các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp, mà giới hạn chuyên sâu vào các khía cạnh pháp lý cốt lõi của quản trị công ty cổ phần, bao gồm 05 trụ cột chính:

(i) Mô hình và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý (cơ chế phân chia quyền lực và sự vận hành giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán và Giám đốc/Tổng giám đốc);

(ii) Chế định về nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của người quản lý doanh nghiệp;

(iii) Cơ chế kiểm soát giao dịch tư lợi và ngăn ngừa xung đột lợi ích;

(iv) Các biện pháp bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số;

(v) Cơ chế minh bạch hóa và nghĩa vụ công bố thông tin trong quản trị doanh nghiệp.

Phạm vi về không gian: Để đảm bảo tính thực tiễn và khả thi của số liệu, đề tài giới hạn phạm vi khảo sát thực tế tại các công ty cổ phần đã đăng ký kinh doanh và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Các dữ liệu từ địa bàn này được sử dụng như mẫu khảo sát điển hình để phân tích, đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành.

Phạm vi về thời gian: Đề án tập trung thu thập dữ liệu, phân tích các bản án, quyết định giải quyết tranh chấp và báo cáo thực thi pháp luật trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay. Đây là khoảng thời gian Luật Doanh nghiệp năm 2020 chính thức có hiệu lực thi hành, đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính cập nhật và giá trị thực tiễn của các kết quả nghiên cứu.

5. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài

Đề tài hướng đến giải quyết các câu hỏi nghiên cứu cụ thể sau:

Khung pháp lý hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty cổ phần (mô hình tổ chức, quyền của cổ đông, nghĩa vụ người quản lý) được quy định như thế nào và các tiêu chuẩn này có ý nghĩa gì đối với sự phát triển doanh nghiệp?

Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về quản trị công ty tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đang diễn ra như thế nào? Những đặc thù về sở hữu (nhà nước, gia đình) và văn hóa kinh doanh tại địa phương đã tạo ra những rào cản hay bất cập gì trong việc tuân thủ luật?

Cần phải sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật nào và thực hiện các giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể gì để khắc phục các bất cập, nâng cao hiệu quả quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới?

6. Phương hướng nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cách tiếp cận này giúp xem xét các quy định pháp luật về quản trị công ty cổ phần trong mối quan hệ biện chứng với sự vận động của nền kinh tế thị trường và bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể tại Việt Nam.

Trên cơ sở phương pháp luận đó, luận văn phối hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Được áp dụng xuyên suốt trong chương lý luận và thực trạng nhằm bóc tách, làm rõ nội hàm của các quy định pháp luật hiện hành. Từ việc phân tích các chế định riêng lẻ về cơ cấu tổ chức hay trách nhiệm của người quản lý, tác giả tiến hành tổng hợp để đưa ra cái nhìn hệ thống và toàn diện về khung pháp lý quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam.

Phương pháp so sánh luật học: Luận văn thực hiện việc đối chiếu các quy định giữa Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 để nhận diện sự chuyển biến và hoàn thiện của tư duy lập pháp. Đồng thời, nghiên cứu cũng soi chiếu với các chuẩn mực quốc tế, điển hình là Bộ nguyên tắc quản trị công ty

của OECD, nhằm chỉ ra các khoảng cách pháp lý và định hướng giải pháp phù hợp với xu thế hội nhập.

Phương pháp thống kê: Phương pháp này được sử dụng để thu thập, phân loại và xử lý các số liệu thực tế từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. Các dữ liệu định lượng về số lượng doanh nghiệp, cơ cấu vốn và tình hình tranh chấp là minh chứng khách quan cho thực trạng thực thi pháp luật quản trị doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ việc (Case study): Đây là phương pháp trọng tâm để kết nối lý luận với thực tiễn. Qua việc phân tích các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Tòa án nhân dân cấp cao liên quan đến tranh chấp nội bộ tại các công ty cổ phần, luận văn làm rõ những điểm nghẽn trong áp dụng pháp luật, từ đó xây dựng các luận cứ vững chắc cho những kiến nghị hoàn thiện ở chương cuối.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về pháp luật quản trị công ty cổ phần trong bối cảnh pháp luật doanh nghiệp Việt Nam đang không ngừng được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Thông qua việc nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng, đề tài làm rõ mức độ phù hợp, hiệu quả cũng như những hạn chế của pháp luật về quản trị công ty cổ phần trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu tiếp theo liên quan đến pháp luật doanh nghiệp, đặc biệt là pháp luật về quản trị công ty cổ phần.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đối với các công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: Đề tài phản ánh một cách khách quan thực trạng áp dụng pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng, chỉ ra những ưu điểm và những tồn tại, hạn chế trong tổ chức, vận hành bộ máy quản trị công ty. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các giải pháp và kiến

ngợi nhằm giúp các công ty cổ phần nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường tính minh bạch, bảo đảm tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững.

Đối với các doanh nghiệp ở địa phương khác: Những phân tích và giải pháp được rút ra từ thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Lâm Đồng có thể trở thành kinh nghiệm tham khảo hữu ích cho các công ty cổ phần ở các địa phương có điều kiện kinh tế – xã hội tương đồng, đặc biệt là các doanh nghiệp đang trong quá trình mở rộng quy mô và hoàn thiện mô hình quản trị.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Các kiến nghị của đề tài góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về quản trị công ty cổ phần, từ đó phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng và hiệu quả hơn.

8. Kết cấu của đề tài thực tập

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý thuyết và pháp luật về quản trị công ty cổ phần.

Chương 2. Thực trạng áp dụng pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. Tổng quan về Quản trị công ty cổ phần

1.1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của Quản trị công ty cổ phần

Trong khoa học pháp lý đương đại, Quản trị công ty cổ phần (Corporate Governance of Joint Stock Companies) được xác định là hạt nhân của pháp luật doanh nghiệp hiện đại. Khác với cách tiếp cận đơn thuần về kỹ thuật quản lý, đề tài tiếp cận khái niệm này dưới góc độ là một thiết chế pháp lý phức hợp. Dựa trên các nguyên tắc của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2023)⁶ và đặc thù của mô hình đối vốn, khái niệm trung tâm của đề tài được định nghĩa như sau:

“Quản trị công ty cổ phần là hệ thống các cơ chế pháp lý, quy tắc và quy trình nhằm thiết lập cấu trúc phân bổ quyền lực, giám sát và cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trọng yếu trong công ty cổ phần – bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan – nhằm đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tối đa hóa giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.”

Về bản chất pháp lý, quản trị công ty cổ phần là cơ chế giải quyết mâu thuẫn nội tại mang tính kinh điển của mô hình công ty đại chúng: sự tách biệt giữa Quyền sở hữu (vốn thuộc về các cổ đông phân tán) và Quyền kiểm soát (được trao cho ban điều hành tập trung).

Dưới lăng kính Lý thuyết đại diện (Agency Theory): Bản chất của quản trị công ty cổ phần là thiết lập các chế tài pháp lý và hàng rào kỹ thuật nhằm giảm thiểu “chi phí đại diện” (agency costs). Mục tiêu tối thượng là kiểm soát rủi ro đạo đức (moral hazard) khi bên được ủy quyền (người quản lý - agent) có xu hướng hành động tư lợi, đi ngược lại lợi ích của bên ủy quyền (cổ đông - principal).⁷

⁶ OECD, G20/OECD Principles of Corporate Governance 2023, OECD Publishing, Paris, 2023, tr. 11.

⁷ Xem thêm: Michael C. Jensen & William H. Meckling, “Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Costs and Ownership Structure”, Journal of Financial Economics, Vol. 3, No. 4, 1976, tr. 305-360.

Dưới lăng kính Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory): Pháp luật hiện đại mở rộng bản chất này không chỉ dừng lại ở bảo vệ cổ đông, mà còn thiết lập sự cân bằng pháp lý với các chủ thể phi cổ đông (như chủ nợ, người lao động), chuyển dịch từ mô hình “tối đa hóa lợi nhuận cổ đông” sang “tối ưu hóa giá trị tổng thể”.⁸

Để làm rõ nội hàm khái niệm, cần phân định rạch ròi giữa “Quản trị” (Governance) và “Quản lý điều hành” (Management) trong cấu trúc công ty cổ phần:

Quản lý điều hành thuộc phạm vi tác nghiệp, tập trung vào việc triển khai kỹ thuật và vận hành bộ máy kinh doanh hàng ngày để đạt mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.

Quản trị công ty thuộc phạm vi chính trị nội bộ (internal politics) và chiến lược, tập trung vào việc kiến tạo thể chế, giám sát quyền lực và xác lập định hướng dài hạn.

Sự phân định này là cơ sở pháp lý quan trọng để xác định giới hạn trách nhiệm (fiduciary duties) của thành viên Hội đồng quản trị so với Ban Giám đốc trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

1.1.2. Các nguyên tắc Quản trị công ty cơ bản

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty của G20/OECD (phiên bản cập nhật năm 2023) được xem là “khuôn khổ luật mềm” (soft law) mang tính nền tảng, định hướng cho việc xây dựng pháp luật doanh nghiệp tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Việc áp dụng các nguyên tắc này không chỉ nhằm đảm bảo tính tuân thủ mà còn xuất phát từ chính cấu trúc và đặc thù pháp lý của loại hình Công ty cổ phần (CTCP).

Dưới góc độ lý luận và thực tiễn pháp lý, nội hàm của sáu trụ cột nguyên tắc quản trị và mối liên hệ hữu cơ với đặc thù của CTCP được phân tích cụ thể như sau:

(i) Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả. Nguyên tắc này yêu cầu hệ thống pháp luật phải đảm bảo tính nhất quán, minh bạch và khả thi.

⁸ R. Edward Freeman, *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Cambridge University Press, 2010.

Đối với CTCP – loại hình doanh nghiệp có cấu trúc vốn phức tạp và khả năng huy động vốn đại chúng – sự ổn định của khung pháp lý là điều kiện tiên quyết để giảm thiểu chi phí giao dịch và rủi ro pháp lý. Một khuôn khổ hiệu quả phải phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các cơ quan giám sát, thực thi pháp luật và các chủ thể thị trường, tạo niềm tin cho nhà đầu tư khi góp vốn vào một thực thể mà họ không trực tiếp quản lý.

(ii) Quyền của cổ đông và đối xử bình đẳng giữa các cổ đông. Đặc thù của CTCP là sự tách biệt giữa quyền sở hữu (cổ đông) và quyền quản lý (Ban điều hành), dẫn đến nguy cơ xung đột lợi ích hay còn gọi là “vấn đề đại diện” (agency problem). Nội hàm: Nguyên tắc này không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ quyền tài sản (nhận cổ tức, chuyển nhượng cổ phần) mà còn nhấn mạnh quyền tham gia ra quyết định của cổ đông. Đặc biệt, nội dung cốt lõi là bảo vệ cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài trước sự lạm quyền của cổ đông kiểm soát (controlling shareholders) hoặc ban quản lý. Liên hệ với CTCP: Trong cấu trúc CTCP, nguyên tắc “một cổ phần - một lá phiếu” dễ dẫn đến sự áp đặt ý chí của nhóm cổ đông lớn. Do đó, quản trị công ty phải thiết lập các cơ chế như quyền gộp phiếu bầu (cumulative voting), quyền tiếp cận hồ sơ, và các quy định nghiêm ngặt về phê duyệt giao dịch với người có liên quan để đảm bảo sự công bằng.

(iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan (Stakeholders). Bộ nguyên tắc G20/OECD 2023 đã mở rộng phạm vi quản trị vượt ra khỏi tư duy truyền thống về “tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông” (shareholder primacy) sang mô hình phát triển bền vững. Nội hàm: Thừa nhận quyền lợi hợp pháp của người lao động, chủ nợ, khách hàng và cộng đồng. Sự hợp tác giữa công ty và các bên liên quan là yếu tố then chốt để tạo ra giá trị dài hạn. Liên hệ với CTCP: Với quy mô vốn lớn và tác động xã hội rộng rãi, sự tồn tại của CTCP phụ thuộc vào “giấy phép xã hội” (social license). Việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ (thông qua quy định về bảo toàn vốn) và người lao động là cơ chế phòng ngừa rủi ro phá sản và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

(iv) Minh bạch và công bố thông tin. Đây là nguyên tắc nhằm giải quyết tình

trạng “bất cân xứng thông tin” (information asymmetry) – một đặc tính cố hữu của CTCP nơi mà người quản lý nắm rõ tình hình công ty hơn cổ đông/nhà đầu tư. Nội hàm: Yêu cầu công bố thông tin kịp thời, chính xác về tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, sở hữu cổ phần và quản trị. Phiên bản 2023 đặc biệt nhấn mạnh đến việc công bố thông tin phi tài chính (ESG - Môi trường, Xã hội và Quản trị). Liên hệ với CTCP: Tính thanh khoản của cổ phiếu trên thị trường phụ thuộc hoàn toàn vào niềm tin của nhà đầu tư. Minh bạch hóa không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là công cụ để thị trường định giá chính xác giá trị doanh nghiệp, ngăn chặn hành vi giao dịch nội gián (insider trading) và thao túng thị trường.

(v) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HĐQT). HĐQT đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc quản trị, là cơ quan đại diện cho chủ sở hữu để giám sát người quản lý điều hành. Nội hàm: Xác định rõ hai nghĩa vụ tín cẩn (fiduciary duties) cơ bản: (1) Nghĩa vụ cẩn trọng (Duty of care) – hành động dựa trên thông tin đầy đủ và sự cân nhắc kỹ lưỡng; (2) Nghĩa vụ trung thành (Duty of loyalty) – đặt lợi ích công ty lên trên lợi ích cá nhân. Liên hệ với CTCP: Trong mô hình CTCP đại chúng, HĐQT cần đảm bảo tính độc lập để giám sát khách quan Ban Giám đốc. Việc quy định trách nhiệm giải trình của HĐQT là chốt chặn cuối cùng để ngăn ngừa rủi ro đạo đức và đảm bảo định hướng chiến lược của công ty.

(vi) Vai trò của các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác. Nội hàm: Đây là nguyên tắc nhấn mạnh vai trò “người gác cổng” và giám sát thị trường. Nhà đầu tư tổ chức: Cần hành động với tư cách là chủ sở hữu có trách nhiệm (stewardship), tích cực tham gia giám sát quản trị tại các công ty họ đầu tư. Thị trường chứng khoán: Phải đảm bảo cơ chế định giá công bằng và thanh khoản, đóng vai trò kỷ luật đối với các công ty quản trị kém. Các trung gian (kiểm toán, định hạng tín nhiệm, phân tích): Phải cung cấp thông tin độc lập, khách quan để hỗ trợ ra quyết định đầu tư. Mối liên hệ với đặc thù CTCP: Đối với các CTCP đại chúng, áp lực từ thị trường và sự giám sát chuyên nghiệp của các quỹ đầu tư (quỹ hưu trí, quỹ tương hỗ) tạo ra một “lớp vỏ bảo vệ” bổ sung bên ngoài doanh nghiệp. Sự tham gia của các chủ thể này thúc đẩy tính chuyên nghiệp hóa trong

quản trị, buộc CTCP phải tuân thủ chuẩn mực cao hơn để thu hút vốn và duy trì giá trị cổ phiếu.

Sự nội luật hóa tại Việt Nam: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã thể hiện bước tiến lớn trong việc tiệm cận các chuẩn mực này. Cụ thể, Luật đã (i) mở rộng quyền tiếp cận thông tin và quyền khởi kiện của cổ đông (giảm tỷ lệ sở hữu bắt buộc); (ii) nâng cao tiêu chuẩn về thành viên HĐQT độc lập và Ủy ban Kiểm toán; và (iii) quy định chi tiết về nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng của người quản lý cũng như chế tài đối với các giao dịch tư lợi. Việc vận dụng đồng bộ 06 nguyên tắc của G20/OECD không chỉ là yêu cầu hội nhập mà còn là nền tảng pháp lý để nâng cao năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mô hình công ty cổ phần tại Việt Nam. Đây là minh chứng cho nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp Việt Nam.

1.1.3. Các mô hình Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam

Thể hiện tư duy lập pháp đổi mới dựa trên nguyên tắc tôn trọng quyền tự do kinh doanh và quyền tự quyết của doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2020 (tại Điều 137) đã thiết lập một khung pháp lý linh hoạt đối với cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần. Theo đó, pháp luật hiện hành không áp đặt một mô hình cứng nhắc mà cho phép doanh nghiệp lựa chọn một trong hai cơ chế quản trị, phản ánh sự tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa pháp lý từ hai hệ thống Civil Law và Common Law.

Mô hình quản trị có Ban Kiểm soát (Mô hình đa hội đồng/Two-tier Board). Đây là mô hình quản trị truyền thống, chịu ảnh hưởng sâu sắc của pháp luật Châu Âu lục địa (đặc biệt là pháp luật Đức và Pháp), vốn đã tồn tại xuyên suốt trong các văn bản Luật Doanh nghiệp trước đây. Cấu trúc tổ chức: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, mô hình này bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc/Tổng giám đốc. Cơ chế kiểm soát: Đặc trưng pháp lý cốt lõi của mô hình này là cơ chế “tam quyền phân lập” trong nội bộ doanh nghiệp. Ban Kiểm soát được thiết kế như một thiết chế độc lập, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra (theo Điều 168 LDN 2020), hoạt động tách biệt với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Bản chất pháp lý: Ban Kiểm soát

đóng vai trò là cơ quan đại diện cho chủ sở hữu để thực hiện chức năng giám sát tính hợp pháp, trung thực và cân trọng trong hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Đây là cơ chế giám sát mang tính “đối trọng quyền lực” (checks and balances) giữa cơ quan quản lý và cơ quan giám sát. Ngoại lệ: Nhằm giảm tải gánh nặng hành chính cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ, Luật quy định trường hợp công ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần thì không bắt buộc phải thành lập Ban Kiểm soát.

Mô hình quản trị có Ủy ban Kiểm toán (Mô hình đơn hội đồng/One-tier Board). Đây là mô hình quản trị hiện đại được Luật Doanh nghiệp tiếp thu từ hệ thống Thông luật (Common Law - Anh, Mỹ), phản ánh xu hướng hội nhập các chuẩn mực quản trị quốc tế (như Nguyên tắc quản trị công ty của OECD). Cấu trúc tổ chức: Theo điểm b khoản 1 Điều 137, mô hình này bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc. Điểm đặc thù là sự vắng mặt của Ban Kiểm soát chuyên trách. Cơ chế kiểm soát: Chức năng giám sát không được tách ra bên ngoài mà được tích hợp trực tiếp vào Hội đồng quản trị thông qua Ủy ban Kiểm toán trực thuộc (Điều 161 LDN 2020). Để đảm bảo tính khách quan trong cơ chế “tự giám sát” này, pháp luật đặt ra các điều kiện tiên quyết nghiêm ngặt: (i) Ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập (theo tiêu chuẩn tại khoản 2 Điều 155 LDN 2020). (ii) Ủy ban Kiểm toán phải có từ 02 thành viên trở lên, trong đó Chủ tịch Ủy ban phải là thành viên độc lập. Bản chất pháp lý: Mô hình này chuyển dịch tư duy từ giám sát “hậu kiểm” (ex-post) sang giám sát “tiền kiểm” và đồng hành (ex-ante/concurrent). Các thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị vừa tham gia hoạch định chiến lược, vừa thực hiện chức năng giám sát, giúp tối ưu hóa luồng thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình trực tiếp của Hội đồng quản trị trước cổ đông.

1.2. Nội dung pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam

1.2.1. Quy định về cấu trúc quyền lực và phân cấp thẩm quyền trong quản trị công ty

Pháp luật doanh nghiệp hiện hành đã thiết lập một cơ chế phân chia quyền

lực chặt chẽ nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa quyền sở hữu và quyền quản lý, điều hành. Cụ thể:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Được Luật Doanh nghiệp 2020 xác định là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần (Điều 138). Pháp luật quy định chi tiết về thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc quyết định các vấn đề trọng yếu như sửa đổi Điều lệ, tổ chức lại doanh nghiệp, thông qua báo cáo tài chính, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản lớn (trên 35% tổng tài sản). Đồng thời, trình tự, thủ tục triệu tập họp và điều kiện thông qua nghị quyết được luật hóa chặt chẽ nhằm đảm bảo tính dân chủ và hợp pháp trong các quyết sách của công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): Đóng vai trò là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ) (Điều 153). Pháp luật hiện hành đặc biệt chú trọng đến cơ cấu thành viên HĐQT, trong đó quy định về thành viên độc lập HĐQT được xem là một bước tiến quan trọng nhằm đảm bảo tính khách quan và hạn chế sự chi phối của các cổ đông lớn. Trách nhiệm pháp lý của thành viên HĐQT cũng được quy định cụ thể để gắn liền quyền hạn với trách nhiệm giải trình. Luật Doanh nghiệp 2020 đã làm rõ vai trò quản trị chiến lược của HĐQT, tách biệt tương đối với điều hành chi tiết⁹.

Giám đốc/Tổng giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT cũng như pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Mối quan hệ giữa chức danh này với Người đại diện theo pháp luật được quy định linh hoạt, cho phép công ty cổ phần có thể có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật, qua đó tối ưu hóa hiệu quả điều hành và quản trị rủi ro (Điều 12).

1.2.2. Quy định về cơ chế kiểm soát nội bộ và minh bạch thông tin

Cơ chế kiểm soát nội bộ và minh bạch thông tin là trụ cột quan trọng để bảo vệ lợi ích của các bên liên quan:

Thiết chế kiểm soát: Tùy thuộc vào mô hình quản trị mà công ty lựa chọn,

⁹ Trương Nhật Quang (2021), Pháp luật về Doanh nghiệp – Các vấn đề pháp lý cơ bản, NXB Dân trí, tr. 405.

vai trò giám sát được thực hiện bởi Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế này nhằm đảm bảo tính trung thực trong báo cáo tài chính và giám sát tính hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành của thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

Công bố thông tin và kiểm toán: Các quy định về công bố thông tin (định kỳ và bất thường) cùng yêu cầu bắt buộc về kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính là công cụ pháp lý hữu hiệu nhằm giảm thiểu tình trạng bất cân xứng thông tin giữa người quản lý doanh nghiệp và cổ đông, đặc biệt là đối với các công ty đại chúng.

1.2.3. Quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp

Đây là nội dung trọng tâm nhằm ràng buộc trách nhiệm cá nhân của người quản lý (Thành viên HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng...). Để ngăn ngừa rủi ro đạo đức, pháp luật đặt ra các chuẩn mực khắt khe về nghĩa vụ của người quản lý:

Nghĩa vụ cẩn trọng (Duty of Care): Người quản lý phải thực hiện nhiệm vụ với trình độ chuyên môn và sự cẩn trọng mà một người bình thường ở vị trí tương đương sẽ thực hiện (điểm b khoản 1 Điều 165).

Nghĩa vụ trung thành (Duty of Loyalty): Phải đặt lợi ích của công ty lên trên lợi ích cá nhân; trung thực và không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty vì mục đích tư lợi (điểm c khoản 1 Điều 165).

Kiểm soát giao dịch với người có liên quan (Related Party Transactions - RPTs) là một trong những cơ chế trọng yếu nhằm phòng chống hành vi tư lợi, chuyển giá hoặc các hình thức rút ruột công ty (tunneling). Theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các hợp đồng và giao dịch giữa công ty với các đối tượng thuộc diện kiểm soát pháp lý phải được phê chuẩn bởi Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông tùy thuộc vào quy mô giá trị. Điểm mấu chốt của quy định này là nguyên tắc loại trừ quyền biểu quyết (disinterested voting), theo đó người có lợi ích liên quan không được tham gia vào quá trình quyết định để đảm bảo tính khách quan và sòng phẳng (arm's length principle). Việc thiết lập các tầng nấc kiểm soát này không chỉ bảo vệ tài sản của pháp nhân mà còn là công cụ pháp

lý cốt lõi để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông thiểu số trước sự áp đặt của các cổ đông chi phối.¹⁰

1.2.4. Quy định về bảo vệ quyền lợi cổ đông

Hệ thống pháp luật hiện hành dành sự quan tâm đặc biệt đến việc bảo vệ quyền lợi cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số (cổ đông nhỏ lẻ), thông qua các nhóm quyền cơ bản:

Quyền tiếp cận thông tin: Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần (hoặc tỷ lệ thấp hơn theo Điều lệ) có quyền xem biên bản họp HĐQT, báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đây là điểm mới tiến bộ của Luật Doanh nghiệp năm 2020 so với Luật Doanh nghiệp năm 2014 (yêu cầu 10% và thời hạn nắm giữ 6 tháng).

Quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự: Cổ đông có quyền nhân danh công ty khởi kiện người quản lý nếu họ vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại cho công ty theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Quy định này trao cho cổ đông công cụ pháp lý mạnh mẽ để giám sát HĐQT.

Quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết: Khi trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật/Điều lệ công ty theo quy định tại Điều 151 và Điều 152 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Để khắc phục hạn chế của nguyên tắc “đa số quyết” (majority rule), pháp luật trao cho cổ đông thiểu số các quyền năng “phòng vệ”: quyền tiếp cận thông tin (giảm tỷ lệ sở hữu xuống 5% theo Luật 2020), quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ, và đặc biệt là quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự (derivative suit) đối với người quản lý theo Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực thi pháp luật về Quản trị công ty

Việc chuyển hóa các quy định của pháp luật về Quản trị công ty (QTCT) từ văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn đời sống kinh tế tại các địa phương chịu

¹⁰ Bùi Xuân Hải (2021), “Quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020”, Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, Số 03(141), tr. 15-28.

sự chi phối của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Trong đó, ba yếu tố trọng yếu bao gồm: văn hóa kinh doanh, quy mô doanh nghiệp và năng lực của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh. Cụ thể như sau:

1.3.1. Yếu tố văn hóa kinh doanh và ý thức pháp luật của chủ thể quản lý

Văn hóa kinh doanh đóng vai trò nền tảng trong việc định hình mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Tại nhiều địa phương, tư duy quản trị vẫn còn mang nặng tính chất gia đình trị hoặc dựa trên các mối quan hệ thân hữu, thay vì tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc pháp lý. Điều này dẫn đến tình trạng các quy định về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền lợi cổ đông thiểu số – những trụ cột của pháp luật về QTCT theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 – thường bị xem nhẹ hoặc thực hiện mang tính hình thức. Khi văn hóa tuân thủ chưa trở thành giá trị cốt lõi, các quy định pháp luật dù chặt chẽ đến đâu cũng khó phát huy hiệu quả thực tế.

Văn hóa kinh doanh tại Việt Nam hiện nay vẫn chịu sự chi phối mạnh mẽ của mô hình 'quản trị gia đình' và các mạng lưới quan hệ thân hữu. Đặc tính này tạo ra những rào cản vô hình, làm suy giảm tính hiệu quả của các nguyên tắc minh bạch và sự độc lập trong quản trị hiện đại. Khác biệt với các nền kinh tế phát triển nơi xung đột đại diện chủ yếu diễn ra giữa người quản lý và cổ đông (Xung đột loại I), cấu trúc sở hữu tại Việt Nam thường mang tính cô đặc cao (concentrated ownership). Điều này dẫn đến mâu thuẫn lợi ích trọng tâm dịch chuyển thành sự bất đối xứng giữa nhóm cổ đông chi phối và cổ đông thiểu số (Xung đột loại II). Trong bối cảnh đó, các cơ chế pháp lý về quản trị không chỉ đóng vai trò điều hành mà còn là “lá chắn” bảo vệ cổ đông nhỏ trước nguy cơ bị lạm dụng quyền lực bởi các nhóm lợi ích kiểm soát.¹¹

1.3.2. Tác động của quy mô và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

Quy mô doanh nghiệp là biến số quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến khả

¹¹ IFC (2021), Vietnam Corporate Governance Stocktake Report, Washington, D.C.: International Finance Corporation.

năng đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về QTCT.

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs): Chiếm tỷ trọng lớn tại các địa phương, nhóm này thường hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân sự để xây dựng bộ máy kiểm soát nội bộ hoặc thuê tư vấn pháp lý chuyên nghiệp. Do đó, việc tuân thủ đầy đủ các quy trình triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hay thiết lập Ban kiểm soát thường gặp nhiều sai sót về trình tự, thủ tục.

Đối với các doanh nghiệp lớn: Mặc dù có nguồn lực tốt hơn, nhưng sự phức tạp trong cơ cấu sở hữu và mạng lưới công ty con đòi hỏi một cơ chế QTCT hiện đại và chặt chẽ hơn. Áp lực tuân thủ không chỉ đến từ Luật Doanh nghiệp mà còn từ các quy định chuyên ngành (như Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng), đặt ra thách thức lớn trong việc đồng bộ hóa quy trình quản trị tại địa phương.

1.3.3. Năng lực và vai trò của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh

Hiệu quả của pháp luật không chỉ nằm trên văn bản (law on the books) mà phụ thuộc vào thực tiễn áp dụng (law in action). Năng lực giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch & Đầu tư, cũng như tính độc lập và chuyên môn của Tòa án trong việc xét xử các tranh chấp về quản trị công ty, là yếu tố quyết định đến niềm tin của thị trường.

Thứ nhất, về năng lực hướng dẫn và giải thích pháp luật: Sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng các văn bản luật, nghị định hướng dẫn thi hành là yếu tố then chốt. Nếu cán bộ thực thi thiếu kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế, việc hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc giải quyết tranh chấp nội bộ sẽ gặp nhiều vướng mắc.

Thứ hai, về công tác thanh tra, kiểm tra: Hoạt động hậu kiểm đối với việc tuân thủ quy định QTCT tại nhiều địa phương còn mang tính hành chính hóa, chưa đi sâu vào thực chất quản trị. Năng lực phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cần được nâng cao để đảm bảo tính răn đe và thượng tôn pháp luật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và khung khổ pháp lý hiện hành về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam. Các phân tích cho thấy, quản trị công ty không chỉ dừng lại ở các quy tắc quản lý nội bộ mà là một thiết chế pháp lý phức tạp nhằm cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu, người quản lý và các bên liên quan.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã tạo ra bước đột phá khi ghi nhận sự linh hoạt trong việc lựa chọn mô hình quản trị (đơn hội đồng và đa hội đồng), tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế (OECD). Việc quy định chặt chẽ về nghĩa vụ tín cẩn của người quản lý, cơ chế kiểm soát giao dịch tư lợi và quyền khởi kiện của cổ đông đã tạo nên hành lang pháp lý vững chắc để bảo vệ lợi ích công ty.

Tuy nhiên, việc chuyển hóa các quy định này vào thực tiễn còn chịu tác động mạnh mẽ bởi văn hóa kinh doanh, quy mô doanh nghiệp và năng lực thực thi của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Những rủi ro pháp lý như xung đột lợi ích, bất cân xứng thông tin và tính hình thức trong hoạt động giám sát vẫn là những thách thức lớn. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả tiếp tục đi sâu phân tích thực trạng áp dụng pháp luật tại Chương 2, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi.

Dù khung pháp lý đã tiệm cận quốc tế (Luật 2020), nhưng “độ trễ” trong thực thi và sự thiếu hụt các chế tài dân sự cụ thể đang là khoảng trống lớn. Điều này tạo tiền đề vững chắc để bạn triển khai Chương 2 (Thực trạng) và Chương 3 (Giải pháp).

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Khái quát tình hình phát triển công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng

Để đánh giá khách quan thực trạng pháp luật về quản trị công ty cổ phần (CTCP), cần thiết phải xem xét bối cảnh kinh tế - xã hội và đặc thù của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương. Dưới góc độ xã hội học pháp luật, sự biến động về số lượng, quy mô vốn và cơ cấu sở hữu không chỉ phản ánh sức khỏe của nền kinh tế mà còn là chỉ báo quan trọng về chất lượng và hiệu quả của cơ chế quản trị nội bộ doanh nghiệp.

2.1.1. Về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động

Trong giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống doanh nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng ghi nhận những biến động sâu sắc dưới tác động của bối cảnh kinh tế hậu đại dịch và các chính sách điều tiết vĩ mô. Dựa trên dữ liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng, loại hình CTCP hiện chiếm khoảng 15-20% tổng số doanh nghiệp đăng ký. Mặc dù số lượng tuyệt đối thấp hơn so với Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), nhưng CTCP lại chiếm ưu thế tuyệt đối về quy mô vốn hóa và khả năng dẫn dắt các chuỗi giá trị kinh tế trọng điểm của địa phương.

Thứ nhất, về xu hướng gia nhập thị trường và quy mô vốn: Sự chuyển dịch cơ cấu loại hình doanh nghiệp tại Lâm Đồng cho thấy tính ưu việt của mô hình CTCP trong việc huy động vốn lớn.¹²

Giai đoạn 2021 - 2024: Thị trường chứng kiến sự thanh lọc mạnh mẽ. Đáng chú ý năm 2021, dù số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm 7% nhưng tổng vốn đăng ký lại tăng 20% (đạt 16.128 tỷ đồng). Điều này phản ánh xu hướng tập trung hóa tư bản, nơi các nhà đầu tư ưu tiên lựa chọn mô hình CTCP để thực hiện các dự

¹² Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng các năm 2022, 2023, 2024

án có quy mô lớn thay vì mô hình Công ty TNHH vốn có hạn chế về số lượng thành viên (không quá 50 người theo Điều 46 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Năm 2025: Đánh dấu sự bùng nổ với 2.648 doanh nghiệp thành lập mới (tăng 67,7%). Sự gia tăng đột biến này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc thực thi các chuẩn mực quản trị công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP để đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Thứ hai, về tỷ lệ rút lui khỏi thị trường và thách thức quản trị: Số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ giải thể và tạm ngừng hoạt động của các CTCP có xu hướng tăng (năm 2022 tăng 56,6%; năm 2025 số doanh nghiệp giải thể tăng 49,5%). Dưới góc độ pháp lý và quản trị, đây không chỉ là hệ quả của quy luật thị trường mà còn là minh chứng cho sự thiếu hụt các cơ chế kiểm soát rủi ro nội bộ. So với Công ty TNHH hay Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) vốn có cấu trúc quản lý đơn giản, CTCP đòi hỏi một hệ thống quản trị phức tạp hơn với sự phân tách rõ ràng giữa quyền sở hữu và quyền quản lý (thông qua Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát). Việc các doanh nghiệp rút lui hàng loạt cho thấy sự lúng túng trong việc vận hành bộ máy quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 khi đối mặt với các biến động kinh tế.

Thứ ba, về lĩnh vực hoạt động: Các CTCP tại Lâm Đồng tập trung vào ba nhóm ngành có nhu cầu huy động vốn cộng đồng cao:

Nông nghiệp công nghệ cao: Chuyển đổi từ mô hình kinh tế hộ hoặc hợp tác xã sang CTCP để tiếp cận nguồn vốn lớn và công nghệ quản lý hiện đại.

Du lịch - Dịch vụ - Bất động sản nghỉ dưỡng: Lĩnh vực đòi hỏi cấu trúc vốn linh hoạt và khả năng chuyển nhượng cổ phần dễ dàng để thu hút nhà đầu tư chiến lược.

Xây dựng và Thủy điện: Chủ yếu là các đơn vị đã thực hiện cổ phần hóa, đòi hỏi sự minh bạch trong quản lý tài sản nhà nước và vốn tư nhân.

2.1.2. Đặc điểm về cơ cấu sở hữu và tác động đến mô hình quản trị

Cơ cấu sở hữu là yếu tố then chốt định hình hành vi quản trị của doanh nghiệp. Tại Lâm Đồng, mô hình CTCP mang hai đặc trưng sở hữu rõ rệt, tạo nên những hệ quả pháp lý khác biệt so với các loại hình doanh nghiệp khác.

Nhóm công ty có vốn nhà nước chi phối hoặc nắm giữ quyền phủ quyết¹³. Đây là nhóm doanh nghiệp nòng cốt sau cổ phần hóa trong các lĩnh vực hạ tầng và du lịch (như Cấp thoát nước, Công trình đô thị). Đặc điểm sở hữu: Nhà nước nắm giữ tỷ lệ chi phối (trên 51%) hoặc quyền phủ quyết (trên 36% theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020).

Tác động đến quản trị: Tính nhị nguyên trong điều hành: Người quản lý phải đồng thời tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 69/2014/QH13 về quản lý vốn nhà nước. Điều này tạo ra rào cản về thủ tục hành chính, làm giảm tính linh hoạt của Hội đồng quản trị (HĐQT) so với các CTCP thuần túy tư nhân. Rủi ro từ cơ chế đại diện: Người đại diện phần vốn thường ưu tiên tính an toàn pháp lý (compliance) hơn là hiệu quả kinh doanh (efficiency), dẫn đến xu hướng quản trị mang tính nhiệm kỳ, thiếu đột phá trong các quyết sách mang tính chiến lược dài hạn.

Nhóm công ty sở hữu tập trung (Mô hình công ty gia đình). Đây là nhóm chiếm đa số trong khối tư nhân tại địa phương. Khác với mô hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên (vốn dựa trên sự tin tưởng cá nhân - *delectus personae*), các CTCP này dù trên danh nghĩa là công ty đối vốn nhưng thực tế lại mang đậm tính chất đối nhân do cơ cấu sở hữu khép kín. Đặc điểm sở hữu: Cổ phần tập trung trong tay một nhóm nhỏ cổ đông có mối quan hệ huyết thống hoặc liên kết chặt chẽ.

Hệ quả quản trị: Sự thiếu tách bạch giữa quyền sở hữu và quản lý: Thực tiễn tại Lâm Đồng cho thấy, trình tự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT thường bị giản lược, các quyết định quan trọng đôi khi được thống nhất thông qua

¹³ Theo Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (LAW), cổ đông Nhà nước (đại diện là UBND tỉnh Lâm Đồng) hiện nắm giữ 51% vốn điều lệ. Tương tự, tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỷ lệ vốn nhà nước cũng chiếm đa số. Việc nắm giữ tỷ lệ này cho phép Nhà nước chi phối mọi quyết định quan trọng tại ĐHĐCĐ thông qua người đại diện phần vốn.

các phương thức phi chính thức trước khi được hợp thức hóa bằng văn bản. Điều này vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết quy định tại Điều 140 đến Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020. Rủi ro xâm phạm quyền lợi cổ đông thiểu số: Do các vị trí chủ chốt (Ban điều hành, Ban kiểm soát) thường do người có liên quan của cổ đông lớn nắm giữ, cơ chế giám sát độc lập trở nên vô hiệu. Điều này dẫn đến nguy cơ các giao dịch với bên có liên quan không được kiểm soát chặt chẽ, dễ gây thiệt hại cho doanh nghiệp và cổ đông nhỏ lẻ. Sự lẫn lộn về tài sản: Khác với tính độc lập về tài sản của pháp nhân, một bộ phận CTCP tại địa phương vẫn tồn tại tình trạng thiếu minh bạch giữa tài sản của cổ đông lớn và tài sản công ty, gây khó khăn cho công tác kiểm toán và định giá doanh nghiệp.

Sự đan xen giữa hai mô hình sở hữu nêu trên tại Lâm Đồng tạo nên một bức tranh quản trị phức tạp. Nếu khối có vốn Nhà nước đang gặp rào cản bởi sự xơ cứng trong quy trình ra quyết định, thì khối tư nhân lại đối mặt với rủi ro lạm dụng quyền tự chủ, thiếu tuân thủ các chuẩn mực quản trị hiện đại. Đây chính là nguyên nhân gốc rễ dẫn đến những hạn chế trong việc bảo vệ quyền cổ đông và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản trị nội bộ sẽ được phân tích sâu ở phần tiếp theo.

2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định về mô hình và cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Việc lựa chọn mô hình quản trị công ty

Kể từ khi Luật Doanh nghiệp (LDN) năm 2020 có hiệu lực, Điều 137 đã tạo ra một bước ngoặt về quyền tự chủ cho các công ty cổ phần (CTCP) khi cho phép lựa chọn một trong hai mô hình quản trị:

Mô hình 1 (Truyền thống/Nhị cấp): Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Giám đốc/Tổng giám đốc.

Mô hình 2 (Đơn cấp/Hiện đại): ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc/Tổng giám đốc. Điều kiện tiên quyết là ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT (thay thế cho BKS).¹⁴

¹⁴ Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 137.

Khảo sát thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy một bức tranh tương phản rõ rệt trong việc áp dụng hai mô hình này, phản ánh đặc thù kinh tế - xã hội và văn hóa kinh doanh địa phương.

Sự chiếm ưu thế áp đảo của Mô hình quản trị truyền thống (Mô hình 1). Số liệu từ Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cho thấy trên 90% CTCP trên địa bàn đăng ký hoạt động theo Mô hình 1. Sự lựa chọn này xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

Tính kế thừa và tâm lý ngại thay đổi: Đây là mô hình ổn định qua các kỳ LDN 1999, 2005 và 2014. Các doanh nghiệp địa phương thường ưu tiên sự ổn định về cấu trúc để tránh các chi phí phát sinh khi tái cấu trúc bộ máy. Đặc thù sở hữu gia đình: Tại các khu vực như Đà Lạt hay Bảo Lộc, mô hình công ty gia đình (Family-owned business) rất phổ biến. Chủ sở hữu thường có xu hướng thiết lập một cơ cấu mà họ có thể kiểm soát tuyệt đối, dẫn đến việc hình thành các Ban Kiểm soát mang tính nội bộ.

Thực trạng hoạt động của Ban Kiểm soát – Những nút thắt pháp lý: Dù phổ biến, nhưng hoạt động của BKS tại các doanh nghiệp này lại bộc lộ sự thiếu hiệu quả, thậm chí là vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản trị: Về tiêu chuẩn và tính độc lập: Theo Khoản 1 Điều 169 LDN 2020, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình với thành viên HĐQT, Giám đốc và các quản lý khác. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều doanh nghiệp Lâm Đồng, thành viên BKS thường là người thân hoặc nhân viên kế toán dưới quyền Ban điều hành. Điều này dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”, triệt tiêu hoàn toàn chức năng giám sát độc lập được quy định tại Điều 170 LDN 2020. Về tính hình thức: Tại nhiều doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, BKS chỉ tồn tại trên hồ sơ pháp lý. Vai trò của họ thường chỉ xuất hiện vào cuối năm tài chính để ký hợp thức hóa các báo cáo thẩm định nhằm đủ điều kiện tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.

Sự hạn chế của Mô hình quản trị đơn cấp (Mô hình 2). Mô hình 2 dù được đánh giá là tinh gọn và tiệm cận thông lệ quốc tế (OECD), nhưng lại rất hiếm gặp

tại Lâm Đồng, chủ yếu chỉ xuất hiện tại các doanh nghiệp FDI (như tại KCN Phú Hội, KCN Lộc Sơn) hoặc một số ít công ty đại chúng. Rào cản thực tế bao gồm:

Sự khan hiếm nhân sự quản trị chuyên nghiệp: Mô hình 2 yêu cầu khắt khe về Thành viên HĐQT độc lập (theo tiêu chuẩn tại Điều 155 LDN 2020). Tại một địa phương mạnh về nông nghiệp và du lịch như Lâm Đồng, việc tìm kiếm chuyên gia am hiểu sâu về quản trị và tài chính, đáp ứng đủ điều kiện “độc lập” để tham gia HĐQT là một thách thức lớn. Rào cản chi phí và văn hóa quản trị: Chi phí để thuê các thành viên độc lập có năng lực thường rất cao. Đồng thời, văn hóa kinh doanh khép kín khiến các chủ doanh nghiệp e ngại việc cho phép “người ngoài” tiếp cận sâu vào các quyết định chiến lược và số liệu tài chính nhạy cảm của công ty.

Tình huống điển hình và sự lệch chuẩn so với thông lệ quản trị tốt. Tình huống thực tế: Tại Công ty CP Nông sản T.L (Bảo Lộc), Trưởng BKS đồng thời là Phó phòng Kế toán và có quan hệ họ hàng với Chủ tịch HĐQT. Khi Ban điều hành thực hiện giao dịch với "công ty sân sau" gây thiệt hại cho doanh nghiệp, BKS đã không đưa ra bất kỳ cảnh báo hay ý kiến phản đối nào trong báo cáo thẩm định.

Phân tích dưới góc độ pháp lý: Vi phạm tiêu chuẩn: Việc để người có quan hệ gia đình làm Kiểm soát viên là vi phạm trực tiếp Điều 169 LDN 2020 (đối với các loại hình doanh nghiệp bắt buộc tính độc lập cao) hoặc ít nhất vi phạm nguyên tắc về xung đột lợi ích. Vi phạm đạo đức nghề nghiệp: Sự việc này cho thấy sự vô hiệu hóa của cơ chế kiểm soát nội bộ. So với thông lệ quốc tế (như mô hình Hội đồng giám sát - Aufsichtsrat của Đức), nơi BKS có quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm Ban điều hành, thì tại các doanh nghiệp địa phương, BKS lại đang bị “vô hiệu hóa” bởi chính người bị giám sát.

Sự áp đảo của Mô hình 1 tại Lâm Đồng hiện nay không xuất phát từ mục tiêu tối ưu hóa quản trị mà chủ yếu dựa trên thói quen và sự thuận tiện trong việc hoàn thiện thủ tục hành chính. Cơ cấu sở hữu “cô đặc” (Concentrated Ownership) kết hợp với tâm lý gia đình trị đang tạo ra một rào cản lớn đối với việc áp dụng các nguyên tắc quản trị hiện đại theo khuyến nghị của OECD, đặc biệt là việc đối xử bình đẳng giữa các cổ đông và tính minh bạch trong báo cáo tài chính.

2.2.2. Thực tiễn tổ chức và tính pháp lý của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Những sai phạm phổ biến trong quy trình triệu tập và tổ chức họp. Thực tiễn tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy, giai đoạn triệu tập và tổ chức họp ĐHCĐ là khâu phát sinh nhiều vi phạm tố tụng nhất, tạo kẽ hở pháp lý dẫn đến việc Nghị quyết ĐHCĐ bị yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp (LDN) 2020. Các sai phạm điển hình bao gồm:

Vi phạm nghĩa vụ thông báo và cung cấp thông tin (Điều 143 LDN 2020): Tình trạng triệu tập họp qua các ứng dụng nhắn tin (Zalo, Viber) hoặc thông báo không đảm bảo thời hạn tối thiểu 21 ngày (nếu Điều lệ không quy định khác) diễn ra phổ biến. Điều này tước đi quyền nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến của cổ đông, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc công khai, minh bạch. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ (Điều 144 LDN 2020): Mặc dù LDN 2020 đã công nhận hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (E-voting), nhưng tại Lâm Đồng, do rào cản về hạ tầng công nghệ và thói quen quản trị truyền thống, các doanh nghiệp vẫn lúng túng trong việc xác thực tư cách cổ đông và bảo mật phiếu bầu trực tuyến, dẫn đến các tranh chấp về kết quả kiểm phiếu. Vi phạm trình tự, thủ tục biểu quyết: Nhiều doanh nghiệp chưa tuân thủ nguyên tắc “tối thượng” của Điều lệ công ty. Khi Điều lệ quy định tỷ lệ thông qua cao hơn mức luật định (ví dụ 75% so với 65% của LDN 2020), doanh nghiệp thường áp dụng sai mức tối thiểu của Luật, dẫn đến việc Nghị quyết không đạt đủ điều kiện hiệu lực.

Bình luận bản án số 02/2023/KDTM-ST ngày 28/06/2023 của TAND tỉnh Lâm Đồng¹⁵.

Tóm tắt vụ án: Nguyên đơn là nhóm cổ đông khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần Nghị quyết ĐHCĐ của một công ty bất động sản tại địa phương liên quan đến phương án xác định giá chuyển nhượng dự án. Lý do khởi kiện là Ban chủ tọa và Hội đồng quản trị (HĐQT) đã không cung cấp Chứng thư thẩm định giá – tài liệu

¹⁵ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 02/2023/KDTM-ST ngày 28/06/2023 về Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty.

then chốt làm cơ sở cho mức giá chuyển nhượng – cho cổ đông trước và trong phiên họp, mặc dù cổ đông đã có yêu cầu trực tiếp.

Nhận định của Tòa án: TAND tỉnh Lâm Đồng nhận định rằng, việc không cung cấp Chứng thư thẩm định giá là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cung cấp thông tin phục vụ việc biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Quyền biểu quyết của cổ đông không chỉ là việc giơ tay hay bỏ phiếu, mà phải dựa trên cơ sở thông tin đầy đủ và chính xác về tài sản của công ty. Việc thiếu thông tin trọng yếu này khiến quyền biểu quyết của cổ đông trở nên hình thức, không phản ánh đúng ý chí thực sự của họ trên cơ sở hiểu biết về giá trị tài sản.

Bình luận pháp lý: Về tính minh bạch: Phán quyết của Tòa án đã củng cố tinh thần của Điều 115 và 143 LDN 2020. Thông tin là tiền đề của quyền lực. Khi doanh nghiệp che giấu tài liệu then chốt, họ đã tước bỏ quyền quản trị trực tiếp của cổ đông. Về hậu quả pháp lý: Bản án này là lời cảnh báo cho các doanh nghiệp về việc coi nhẹ quy trình cung cấp tài liệu kèm theo thông báo mời họp. Việc vi phạm “quyền được biết” của cổ đông là căn cứ xác đáng để tuyên hủy Nghị quyết, nhằm bảo vệ lợi ích của công ty trước các quyết định có thể gây thất thoát tài sản do thiếu sự giám sát từ phía cổ đông.

Những vướng mắc pháp lý và hạn chế trong bảo vệ cổ đông thiểu số.

Hạn chế 1: Cơ chế tiếp cận thông tin và rào cản “Bí mật kinh doanh”. Mặc dù LDN 2020 đã hạ tỷ lệ sở hữu để thực hiện quyền cổ đông xuống 5%, nhưng thực tiễn thi hành tại Lâm Đồng vẫn gặp khó khăn. Các cổ đông thiểu số thường bị từ chối tiếp cận biên bản họp HĐQT hoặc sổ sách kế toán (Điều 115 LDN 2020) với lý do bảo mật thông tin kinh doanh. Hiện chưa có tiêu chí pháp lý rõ ràng để phân định giữa “quyền thông tin của cổ đông” và “bí mật kinh doanh của doanh nghiệp”, dẫn đến việc người quản lý lạm dụng quy định để che giấu các giao dịch tư lợi.

Hạn chế 2: Khó khăn trong khởi kiện trách nhiệm người quản lý (Derivative Suit). Quyền khởi kiện nhân danh công ty theo Điều 166 LDN 2020 vẫn mang tính “hữu danh vô thực” tại địa phương. Gánh nặng chứng minh: Cổ đông nhỏ lẻ không nắm giữ chứng cứ nội bộ do bị cản trở tiếp cận hồ sơ, dẫn đến không thể chứng

minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của người quản lý và thiệt hại của công ty. Tâm lý cơ quan tài phán: TAND các cấp tại địa phương thường thận trọng, đôi khi là e ngại khi áp dụng các Biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) như tạm dừng thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Sự chậm trễ hoặc từ chối áp dụng BPKCTT dẫn đến tình trạng "sự đã rồi" (tài sản bị tẩu tán, nhân sự bị thay đổi), khiến bản án sau này dù có thắng kiện cũng khó thực thi trên thực tế.

Tranh chấp về hiệu lực Nghị quyết: Sự giằng co giữa Hình thức và Bản chất. Thực tiễn xét xử tại Lâm Đồng cho thấy một xu hướng chuyển dịch quan trọng trong tư duy pháp lý của Tòa án: Ưu tiên tính ổn định của doanh nghiệp đối với các sai sót thủ tục không trọng yếu.

Phân tích Án lệ thực tế (Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 16/03/2021 của TAND tỉnh Lâm Đồng):¹⁶

Vấn đề pháp lý: Liệu sai sót về thời hạn gửi thông báo mời họp (chậm 1-2 ngày) có đủ căn cứ để hủy toàn bộ Nghị quyết khi kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ đồng thuận tuyệt đối?

Lập luận của Tòa án: Tòa án đã bác yêu cầu hủy Nghị quyết với lập luận rằng: Số lượng cổ đông tham dự đại diện cho hơn 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã đồng thuận. Sai sót về hình thức (thời hạn gửi thư) không làm thay đổi bản chất của kết quả biểu quyết và không gây thiệt hại đến quyền lợi cốt lõi của các cổ đông khác.

Bình luận: Cách tiếp cận “Bản chất quan trọng hơn hình thức” (Substance over form) là cần thiết để tránh việc lạm dụng kẽ hở thủ tục nhằm phá hoại hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi Tòa án phải có sự đánh giá khắt khe để không tạo tiền lệ cho việc phớt lờ các quy định cứng của pháp luật về trình tự, thủ tục.

2.2.3. Thực tiễn hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT)

Sự tập trung quyền lực quá mức: Tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Lâm Đồng, Chủ tịch HDQT thường kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và là cổ đông lớn nhất.

¹⁶ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 16/03/2021 về Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Mô hình này triệt tiêu cơ chế giám sát giữa cơ quan quản lý (HĐQT) và cơ quan điều hành (Ban Giám đốc).

Tính hình thức của Thành viên HĐQT độc lập: Đối với các công ty đại chúng hoặc áp dụng mô hình quản trị đơn cấp (Mô hình 2), vai trò của thành viên độc lập rất mờ nhạt. Họ thường được bổ nhiệm để “đủ mâm” (đáp ứng quy định hồ sơ) thay vì thực hiện chức năng giám sát độc lập. Thực tế chưa ghi nhận vụ việc nào tại Lâm Đồng mà thành viên độc lập khởi xướng việc giám sát hoặc ngăn chặn các giao dịch tư lợi của cổ đông lớn.

Hoạt động của HĐQT tại nhiều CTCP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đang tồn tại tình trạng “bình mới rượu cũ”. Mặc dù cơ cấu tổ chức được thiết lập đầy đủ theo luật định, song quyền lực thực tế thường tập trung vào Chủ tịch HĐQT – người thường đồng thời là cổ đông sáng lập nắm giữ tỷ lệ vốn chi phối.

Vai trò của thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 chưa được phát huy thực chất. Tại các công ty chưa niêm yết hoặc công ty đại chúng quy mô nhỏ, việc bổ nhiệm thành viên độc lập thường mang tính đối phó nhằm đáp ứng điều kiện hồ sơ, dẫn đến việc chức danh này thiếu tính độc lập trong việc giám sát và ra quyết định, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến giao dịch với người có liên quan.

Về tính độc lập của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Chuẩn mực OECD (Nguyên tắc VI): Nhấn mạnh vai trò của thành viên HĐQT độc lập nhằm đảm bảo phán quyết khách quan, đặc biệt trong các giao dịch với người có liên quan và bảo vệ cổ đông thiểu số.

Thực trạng tại Lâm Đồng: Tại nhiều Công ty cổ phần (CTCP) ở Lâm Đồng (đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, nông nghiệp công nghệ cao), mô hình quản trị vẫn mang nặng tính “gia đình trị”. Chức danh thành viên độc lập HĐQT thường chỉ mang tính hình thức hoặc bị bỏ qua. Việc chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc vẫn phổ biến dù Luật Doanh nghiệp 2020 đã có lộ trình hạn chế (đối với công ty đại chúng), dẫn đến thiếu cơ chế “kiểm soát và đối trọng” (checks and balances).

2.2.4. Thực trạng hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát, thiết chế được ví như “lá chắn” bảo vệ cổ đông, trên thực tế hoạt động còn mang tính hình thức và thụ động. Tại nhiều doanh nghiệp địa phương, thành viên Ban Kiểm soát thường là nhân sự kiêm nhiệm hoặc có mối quan hệ phụ thuộc vào HĐQT/Ban Giám đốc về mặt lợi ích kinh tế. Do đó, chức năng giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính và giám sát người quản lý theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020 thường bị vô hiệu hóa, không phát hiện hoặc không báo cáo kịp thời các sai phạm quản trị.

Trong mô hình đa cấp (Mô hình truyền thống), BKS tại các doanh nghiệp Lâm Đồng thường bị coi là “cánh tay nối dài” của HĐQT thay vì là cơ quan giám sát của cổ đông. Thành viên BKS thường là kế toán viên của công ty hoặc người thân của HĐQT, phụ thuộc hoàn toàn về lương thưởng và vị trí công việc. Do đó, chức năng thẩm định báo cáo tài chính và giám sát tính trung thực của người quản lý (Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020) gần như bị vô hiệu hóa.

2.2.5. Thực tiễn năng lực giải quyết tranh chấp về quản trị công ty tại cơ quan Tư pháp tỉnh Lâm Đồng

Qua khảo sát thực tiễn xét xử tại địa phương, có thể nhận thấy đội ngũ Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hiện nay có trình độ chuyên môn vững vàng và bề dày kinh nghiệm trong giải quyết các vụ án dân sự, đặc biệt là các tranh chấp liên quan đến đất đai. Tuy nhiên, đối với các tranh chấp phát sinh từ quản trị công ty cổ phần – một lĩnh vực đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính, cấu trúc vốn và các nghiệp vụ kinh doanh hiện đại – năng lực xét xử vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Cụ thể, việc cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành đôi khi chưa bắt kịp với tốc độ phát triển của các mô hình giao dịch tài chính phức tạp. Kỹ năng đánh giá chứng cứ trong các tranh chấp đặc thù như vi phạm nghĩa vụ trung thành của người quản lý, giao dịch tư lợi hay trách nhiệm giải trình vẫn còn lúng túng, dẫn đến việc giải quyết vụ án có thể bị kéo dài hoặc chưa thực sự thuyết phục được cộng đồng doanh nghiệp.

2.3. Thực trạng tuân thủ quy định về nghĩa vụ của người quản lý và kiểm soát giao dịch tư lợi

Nghĩa vụ của người quản lý (bao gồm thành viên HĐQT, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác) được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020, được xem là “xương sống” của chế độ trách nhiệm trong quản trị công ty. Tuy nhiên, tại tỉnh Lâm Đồng, việc tuân thủ các nghĩa vụ này, đặc biệt là việc kiểm soát các giao dịch tư lợi, đang đối mặt với nhiều thách thức lớn từ thực tiễn.

2.3.1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020, người quản lý doanh nghiệp phải “Trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty”. Đây là sự luật hóa các nguyên tắc Fiduciary Duty (Nghĩa vụ tín cẩn) của thông lệ quốc tế.

Thực trạng vi phạm nghĩa vụ “Cẩn trọng”: Tại Lâm Đồng, trong giai đoạn “sốt đất” (2020-2022), rất nhiều công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, du lịch đã sử dụng nguồn vốn kinh doanh để đầu tư lướt sóng bất động sản – một lĩnh vực không thuộc chuyên môn cốt lõi. Khi thị trường trầm lắng, dòng vốn bị đóng băng, gây thiệt hại lớn cho công ty.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp cho thấy, cổ đông rất khó khởi kiện người quản lý về hành vi thiếu “cẩn trọng” trong các quyết định đầu tư này.

Nguyên nhân: Pháp luật hiện hành chưa có bộ tiêu chí định lượng thế nào là “cẩn trọng”. Người quản lý thường bào biện rằng đây là “rủi ro kinh doanh” khách quan, không phải lỗi chủ quan. Ranh giới giữa một quyết định kinh doanh tồi và một hành vi vi phạm nghĩa vụ cẩn trọng rất mong manh và khó chứng minh trước Tòa án.

Thực trạng vi phạm nghĩa vụ “Trung thực”: Tình trạng người quản lý không trung thực về xung đột lợi ích diễn ra khá phổ biến. Nhiều Giám đốc/Thành viên HĐQT tại các công ty địa phương có sở hữu các công ty sâu sau (công ty gia đình) hoạt động cùng ngành nghề nhưng không khai báo đầy đủ theo quy định tại Điều

164 Luật Doanh nghiệp 2020. Điều này dẫn đến việc cơ hội kinh doanh của công ty cổ phần bị chuyển sang cho công ty sân sau của người quản lý.

Vụ việc: Vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý và xung đột lợi ích (Điển hình trong lĩnh vực Nông nghiệp/Xuất khẩu)

Tóm tắt tình huống: Giám đốc Công ty TNHH Cà phê T. (Bảo Lộc) – đồng thời là thành viên góp vốn – đã thành lập một doanh nghiệp riêng kinh doanh cùng ngành nghề. Người này đã chuyển các đơn hàng xuất khẩu giá trị cao từ công ty T. sang công ty riêng của mình, đẩy các đơn hàng rủi ro hoặc lợi nhuận thấp lại cho công ty T.

Vấn đề pháp lý: Vi phạm nghĩa vụ trung thành và trung thực của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp 2020 (đối với Công ty TNHH) và các quy định về chống xung đột lợi ích.

Góc nhìn quản trị: Cho thấy sự yếu kém trong quy chế quản trị nội bộ. Doanh nghiệp thiếu các cam kết bảo mật và không cạnh tranh chặt chẽ trong Điều lệ. So với thế giới, nơi các hành vi tư lợi (self-dealing) bị trừng phạt rất nặng và cơ chế khởi kiện của thành viên thiếu sức rất mạnh, thì tại Lâm Đồng, việc xử lý các sai phạm này thường dừng lại ở mức hòa giải hoặc xử lý hành chính, thiếu tính răn đe.

2.3.2. Kiểm soát các giao dịch với người có liên quan (Giao dịch tư lợi)

Đây là vấn đề nhức nhối và phức tạp nhất trong bức tranh quản trị công ty tại Lâm Đồng, đặc biệt tại các doanh nghiệp có cơ cấu sở hữu gia đình hoặc doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa.

Hạn chế: Kiểm soát giao dịch tư lợi và xung đột lợi ích còn lỏng lẻo

Tình trạng chuyển giá và ký kết hợp đồng với các công ty “sân sau” của thành viên HĐQT hoặc Giám đốc diễn ra khá phức tạp, đặc biệt trong các lĩnh vực xây dựng và cung ứng vật tư nông nghiệp tại địa phương. Việc xác định “người có liên quan” theo Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 gặp khó khăn do sự thiếu minh bạch trong kê khai mối quan hệ. Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương chưa có đủ công cụ và dữ liệu liên thông để kiểm soát chéo, dẫn đến việc các giao

dịch tư lợi không được đưa ra ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo đúng trình tự tại Điều 167, gây thất thoát tài sản công ty.

a. Nhận diện các giao dịch phổ biến và rủi ro

Đặc thù kinh tế Lâm Đồng dựa nhiều vào đất đai và nông nghiệp, do đó các giao dịch tư lợi thường tập trung vào các hình thức sau:

Giao dịch thuê/mượn tài sản: Công ty thuê đất, nhà xưởng, phương tiện vận tải của chính Giám đốc hoặc cổ đông lớn. Rủi ro nằm ở việc giá thuê thường được ấn định cao hơn giá thị trường để “rút tiền” từ công ty về túi cá nhân một cách hợp pháp.

Giao dịch vay mượn vốn:

Chiều xuôi: Công ty vay tiền của cổ đông lớn với lãi suất cao.

Chiều ngược: Công ty cho cổ đông lớn hoặc người nhà vay vốn với lãi suất 0% hoặc rất thấp, dưới danh nghĩa “tạm ứng” hoặc “hỗ trợ vốn”, gây thiệt hại cho dòng tiền của doanh nghiệp.

Giao dịch mua bán thành phẩm: Các công ty chế biến chè/cà phê bán thành phẩm cho công ty thương mại (do người nhà của Giám đốc làm chủ) với giá thấp, sau đó công ty sản xuất này bán ra thị trường hưởng chênh lệch.

b. Vi phạm về quy trình phê duyệt (Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020)

Theo luật định, các hợp đồng với người có liên quan tùy theo giá trị phải được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ chấp thuận. Tuy nhiên, thực tiễn tuân thủ tại Lâm Đồng rất lỏng lẻo:

Bỏ qua quy trình: Nhiều hợp đồng được ký kết trực tiếp bởi Giám đốc (người đại diện pháp luật) mà không hề có Biên bản họp hay Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ phê duyệt.

Hợp thức hóa hồ sơ (Ký lùi ngày): Đây là “thủ thuật” phổ biến nhất. Khi có đoàn thanh tra thuế hoặc kiểm toán độc lập vào cuộc, doanh nghiệp mới vội vàng soạn thảo các Biên bản họp HĐQT chấp thuận giao dịch và ký lùi ngày (backdating) để khớp với ngày ký hợp đồng. Hành vi này biến quy định kiểm soát của luật trở

thành hình thức, vô hiệu hóa vai trò giám sát của các thành viên HĐQT khác và cổ đông.

c. Hậu quả pháp lý và kinh tế

Nguy cơ “Rút ruột” công ty (Tunneling): Tài sản và lợi nhuận của công ty bị chuyển sang túi riêng của người quản lý/cổ đông lớn, làm giảm giá trị cổ phiếu và thiệt hại cho cổ đông nhỏ lẻ.

Thất thoát vốn nhà nước: Tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối ở Lâm Đồng, các giao dịch tư lợi thiếu kiểm soát là nguyên nhân chính dẫn đến thất thoát vốn, khi tài sản công được bán rẻ hoặc thuê đất thông qua các “sân sau”.

Rủi ro pháp lý: Theo khoản 4 Điều 167, nếu hợp đồng không được chấp thuận đúng thẩm quyền sẽ bị vô hiệu. Tuy nhiên, việc khởi kiện tuyên bố hợp đồng vô hiệu tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thường kéo dài và phức tạp, khiến quyền lợi của cổ đông thiểu số khó được phục hồi kịp thời.

Đáng chú ý, vai trò của kiểm toán độc lập trong việc phát hiện các giao dịch này tại Lâm Đồng còn hạn chế. Nhiều giao dịch với các bên liên quan không được thuyết minh đầy đủ trong Báo cáo tài chính do đơn vị kiểm toán chỉ dựa trên hồ sơ do doanh nghiệp cung cấp (thường đã được hợp thức hóa), mà thiếu các biện pháp xác minh độc lập về giá thị trường tại thời điểm giao dịch.

Chuẩn mực OECD: Đặt trọng tâm vào sự bền vững và quyền lợi của người lao động, chủ nợ, cộng đồng.

Thực trạng tại Lâm Đồng: Các tranh chấp lao động và mâu thuẫn đất đai trong các dự án bất động sản nghỉ dưỡng tại Lâm Đồng cho thấy tư duy quản trị vẫn tập trung tối đa hóa lợi nhuận ngắn hạn cho cổ đông lớn thay vì hài hòa lợi ích các bên liên quan, đi ngược lại xu thế phát triển bền vững mà OECD khuyến nghị.

Vụ việc: Tranh chấp về thẩm quyền quyết định đầu tư và giao dịch với người có liên quan (Điển hình trong lĩnh vực Bất động sản/Du lịch)

Tóm tắt tình huống: Tại Công ty Cổ phần Đ.L (một doanh nghiệp có vốn hóa lớn tại Đà Lạt), Chủ tịch HĐQT đã tự ý ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư dự án khu nghỉ dưỡng với một công ty “sân sau” của gia đình mình mà không thông qua Đại

hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), dù giá trị hợp đồng vượt quá 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp.

Vấn đề pháp lý: Vi phạm nghiêm trọng Điều 138 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 về thẩm quyền phê duyệt hợp đồng, giao dịch.

Góc nhìn quản trị: Đây là ví dụ điển hình của việc thiếu vắng thành viên HĐQT độc lập và Ban kiểm soát hoạt động không hiệu quả. Nếu áp dụng chuẩn mực OECD, giao dịch này buộc phải được kiểm toán độc lập thẩm định giá và công bố công khai trước khi ký kết. Hậu quả là dẫn đến khiếu kiện kéo dài, làm tê liệt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

d. Những vướng mắc pháp lý điển hình từ thực tiễn giải quyết tranh chấp

Hạn chế: Kiểm soát giao dịch tư lợi và xung đột lợi ích còn lỏng lẻo

Tình trạng chuyển giá và ký kết hợp đồng với các công ty “sân sau” của thành viên HĐQT hoặc Giám đốc diễn ra khá phức tạp, đặc biệt trong các lĩnh vực xây dựng và cung ứng vật tư nông nghiệp tại địa phương. Việc xác định “người có liên quan” theo Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 gặp khó khăn do sự thiếu minh bạch trong kê khai mối quan hệ. Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương chưa có đủ công cụ và dữ liệu liên thông để kiểm soát chéo, dẫn đến việc các giao dịch tư lợi không được đưa ra ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo đúng trình tự tại Điều 167, gây thất thoát tài sản công ty.

e. Cơ chế kiểm soát Giao dịch tư lợi và xung đột lợi ích

Thực tiễn tại Lâm Đồng cho thấy tình trạng “chuyển giá” hoặc giao dịch với sân sau diễn ra phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và cung ứng vật tư nông nghiệp.

Khó khăn trong nhận diện: Việc xác định “Người có liên quan” (Điều 4 Luật Doanh nghiệp) gặp khó khăn do hệ thống dữ liệu doanh nghiệp và hộ tịch chưa liên thông hoàn toàn.

Hậu quả: Các hợp đồng giá trị lớn được ký kết giữa công ty và người nhà của Giám đốc mà không thông qua ĐHĐCĐ/HĐQT (theo Điều 167). Tuy nhiên, khi cổ

đồng thiếu số khởi kiện, họ gặp khó khăn trong việc chứng minh “thiệt hại thực tế” – một yếu tố bắt buộc trong trách nhiệm dân sự.

2.4. Thực trạng công bố thông tin và minh bạch hoạt động

Minh bạch thông tin được coi là “nguyên tắc vàng” của quản trị công ty hiện đại (theo nguyên tắc của OECD). Tại tỉnh Lâm Đồng, bức tranh về công bố thông tin (CBTT) có sự phân hóa rõ rệt giữa nhóm công ty đại chúng (chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán) và nhóm công ty chưa đại chúng (hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đơn thuần).

Chuẩn mực OECD (Nguyên tắc IV): Yêu cầu công bố thông tin không chỉ về tài chính mà còn về các vấn đề phi tài chính (ESG - Môi trường, Xã hội và Quản trị), quyền sở hữu thực hưởng và các giao dịch tư lợi.

Thực trạng tại Lâm Đồng: Các doanh nghiệp địa phương thường chỉ tuân thủ ở mức “đôi phở” với các báo cáo tài chính bắt buộc. Các thông tin về giao dịch với người có liên quan (ví dụ: công ty mẹ ký hợp đồng bao tiêu nông sản với công ty con của thành viên HĐQT với giá thiếu cạnh tranh) thường không được công khai minh bạch, gây thiệt hại cho cổ đông nhỏ lẻ.

2.4.1. Đối với nhóm công ty đại chúng

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện có một số doanh nghiệp tiêu biểu đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (như: Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng - LBM, Công ty CP Dược Lâm Đồng - LDP, Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng - LAW...).

Về tính tuân thủ quy trình: Cơ bản các doanh nghiệp này đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về thời hạn và phương thức công bố thông tin theo Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC. Các thông tin định kỳ (Báo cáo tài chính quý/năm, Báo cáo thường niên, Nghị quyết ĐHĐCĐ) được đăng tải đầy đủ trên website công ty và hệ thống của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC).

Về chất lượng thông tin (Vấn đề “Hình thức hóa”): Mặc dù tuân thủ về “lượng”, nhưng “chất” của thông tin công bố còn nhiều hạn chế:

Báo cáo thường niên sơ sài: Phần “Báo cáo đánh giá của Ban điều hành” và “Báo cáo của HĐQT” thường mang tính liệt kê thành tích, thiếu các phân tích sâu về chiến lược. Ví dụ: Các doanh nghiệp nông nghiệp/du lịch ít khi phân tích chi tiết tác động của biến đổi khí hậu hay xu hướng du lịch mới đối với doanh thu, mà chỉ đưa ra các nhận định chung chung như “thời tiết thuận lợi” hay “khó khăn chung của nền kinh tế”.

Thiếu phân tích rủi ro: Mục quản trị rủi ro thường bị xem nhẹ, nội dung sao chép lại từ năm này qua năm khác. Các rủi ro đặc thù của địa phương (như rủi ro pháp lý về đất đai, rủi ro biến động giá nông sản) ít được đề cập thẳng thắn, khiến nhà đầu tư khó hình dung bức tranh toàn cảnh.

Thông tin phi tài chính: Các thông tin về Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) chưa được chú trọng, dù đây là xu hướng bắt buộc để thu hút vốn ngoại.

2.4.2. Đối với nhóm công ty cổ phần chưa đại chúng

Đây là nhóm chiếm đa số tại Lâm Đồng và cũng là “vùng trũng” về minh bạch thông tin. Tình trạng “bung bít” thông tin diễn ra phổ biến dưới danh nghĩa “bí mật kinh doanh”.

Hạn chế quyền tiếp cận thông tin của cổ đông (Vi phạm Điều 115 và Điều 176 Luật Doanh nghiệp 2020):

Sổ đăng ký cổ đông: Cổ đông nhỏ lẻ thường xuyên bị từ chối khi yêu cầu xem hoặc sao chụp danh sách cổ đông. Ban lãnh đạo công ty thường viện cớ “bảo mật thông tin cá nhân” để ngăn cản các cổ đông nhỏ liên kết với nhau (nhằm gom đủ tỷ lệ sở hữu để đề cử người vào HĐQT).

Biên bản họp và Nghị quyết: Nhiều cổ đông không được gửi Biên bản họp HĐQT hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ dù luật quy định phải công khai. Điều này khiến họ không nắm được các quyết định quan trọng về đầu tư hay nhân sự cho đến khi sự đã rồi.

Báo cáo tài chính: Tồn tại thực trạng “hai hệ thống sổ sách”. Cổ đông chỉ được tiếp cận Báo cáo tài chính nộp thuế (với lợi nhuận thấp hoặc lỗ giả tạo), trong

khi Báo cáo quản trị nội bộ (phản ánh lợi nhuận thực) chỉ được lưu hành trong nhóm cổ đông chi phối/gia đình.

Tuân thủ nghĩa vụ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước: Việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (theo Điều 216 Luật Doanh nghiệp 2020) thường xuyên bị chậm trễ.

Đa số các doanh nghiệp tư nhân chỉ thực hiện báo cáo khi có nhu cầu thay đổi đăng ký kinh doanh (tăng vốn, thay đổi người đại diện) hoặc khi bị các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra.

Dữ liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thường không được cập nhật kịp thời, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước và minh bạch hóa môi trường kinh doanh tại địa phương.

Sự thiếu minh bạch này xuất phát từ tư duy “đóng cửa bảo nhau” của văn hóa kinh doanh gia đình tại Lâm Đồng. Điều này không chỉ xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cổ đông thiểu số mà còn làm giảm niềm tin của các nhà đầu tư tiềm năng muốn rót vốn vào các doanh nghiệp địa phương.

Có thể thấy, tại Lâm Đồng, thông tin doanh nghiệp vẫn được coi là “tài sản riêng” của nhóm cổ đông quản lý thay vì là “tài sản chung” cần minh bạch hóa cho mọi cổ đông. Khoảng cách từ quy định 'quyền được biết' của Luật Doanh nghiệp đến thực tế “khả năng được biết” của cổ đông vẫn còn rất xa.

2.5. Đánh giá chung về thực tiễn áp dụng pháp luật quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng

Từ những phân tích thực trạng nêu trên, có thể rút ra những đánh giá tổng quan về tình hình thi hành pháp luật quản trị công ty cổ phần (CTCP) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

2.5.1. Những kết quả đạt được

Mặc dù còn nhiều thách thức, không thể phủ nhận những chuyển biến tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước tại địa phương:

Thứ nhất, bước đầu hình thành khung quản trị theo luật định: Đại đa số các CTCP tại Lâm Đồng đã thiết lập được cơ cấu tổ chức cơ bản theo yêu cầu của Luật Doanh nghiệp 2020 (có ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc). Các doanh nghiệp đã có ý thức hơn trong việc tuân thủ các thủ tục hành chính pháp lý như: đăng ký kinh doanh, công bố thông tin thay đổi nội dung đăng ký, và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên. Điều này cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình kinh doanh tự phát sang mô hình doanh nghiệp chính quy đang diễn ra đúng hướng.

Thứ hai, nỗ lực cải cách của cơ quan quản lý nhà nước: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã có những bước tiến đáng ghi nhận trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số. Việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng, cũng như công tác tuyên truyền phổ biến Luật Doanh nghiệp 2020 đã giúp cộng đồng doanh nghiệp địa phương tiếp cận nhanh hơn với các quy định mới, giảm thiểu chi phí tuân thủ.

2.5.2. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn quản trị công ty tại Lâm Đồng vẫn còn tồn tại những “khoảng tối” đáng lo ngại:

Thứ nhất, hoạt động quản trị mang nặng tính đối phó và hình thức: Hệ thống văn bản nội bộ (Điều lệ, Quy chế quản trị) của nhiều doanh nghiệp tại Lâm Đồng thường được sao chép máy móc từ các mẫu văn bản luật hoặc từ các doanh nghiệp khác mà không có sự “may đo”, điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù ngành nghề (nông nghiệp/du lịch) và quy mô của mình. Hậu quả là các quy định này chỉ nằm trên giấy, không đi vào đời sống doanh nghiệp.

Thứ hai, Ban Kiểm soát hoạt động mờ nhạt, thiếu hiệu quả: Tại phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ban Kiểm soát bị coi là “người thừa” hoặc “bình hoa di động”. Với thành phần nhân sự thiếu độc lập và thiếu chuyên môn sâu, thiết chế này gần như không phát hiện hay ngăn chặn được các sai phạm tài chính kịp thời. Vai trò giám sát quyền lực bên trong công ty bị vô hiệu hóa.

Thứ ba, nhận thức về quản trị công ty còn hạn chế: Tư duy “Sở hữu đi đôi với quản lý trực tiếp” vẫn ăn sâu vào tiềm thức của các chủ doanh nghiệp tại địa

phương. Họ vẫn coi công ty cổ phần là tài sản riêng của gia đình, dẫn đến sự thiếu tôn trọng các nguyên tắc về minh bạch, giải trình và bảo vệ cổ đông thiểu số.

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quản trị doanh nghiệp và thực thi pháp luật

Việc tồn tại những hạn chế nêu trên xuất phát từ sự tác động đa chiều của các yếu tố pháp lý, cơ chế thực thi và môi trường văn hóa - xã hội. Dưới góc độ phân tích lý luận và thực tiễn, có thể xác định ba nhóm nguyên nhân cốt lõi sau:

Thứ nhất, bất cập từ khung khổ pháp lý: Tính răn đe của chế tài chưa tương xứng với tính chất và quy mô vi phạm. Mặc dù Nghị định 122/2021/NĐ-CP đã điều chỉnh tăng mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, tuy nhiên, xét dưới góc độ Phân tích kinh tế của pháp luật (Economic Analysis of Law), khung chế tài hiện hành vẫn chưa đạt được hiệu quả răn đe cần thiết. Cụ thể:

Sự bất cân xứng giữa chi phí vi phạm và lợi ích thu được: Mức phạt tiền hiện nay chủ yếu mang tính chất định khung (fixed amount), trong khi lợi ích bất hợp pháp (illicit gain) từ các hành vi như giao dịch tư lợi, chuyển giá, hay thao túng thông tin thường rất lớn, có thể lên tới hàng chục hoặc hàng trăm tỷ đồng. Khi lợi ích biên (Marginal Benefit) vượt xa chi phí biên (Marginal Cost - bao gồm tiền phạt), doanh nghiệp có xu hướng chấp nhận nộp phạt như một khoản “chi phí tuân thủ” hoặc “chi phí kinh doanh” để tiếp tục hành vi vi phạm.

Thiếu vắng các chế tài bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đủ mạnh: Pháp luật hiện hành chưa chú trọng đúng mức đến việc “thu hồi số lợi bất hợp pháp” (disgorgement of profits) một cách triệt để. Bên cạnh đó, các chế tài phi tài chính như đình chỉ hoạt động, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với người quản lý doanh nghiệp vi phạm chưa được áp dụng phổ biến và nghiêm khắc, dẫn đến tình trạng “nhòn luật”.

Thứ hai, hạn chế trong năng lực và cơ chế thực thi pháp luật (Law Enforcement). Hiệu lực của pháp luật không chỉ nằm ở văn bản mà còn phụ thuộc vào cơ chế thực thi trên thực tế. Tại địa phương, công tác này đang bộc lộ những lỗ hổng lớn:

Cơ chế quản lý thiên về “hậu kiểm” thụ động: Công tác giám sát của Sở Kế hoạch và Đầu tư hay cơ quan Thuế chủ yếu dựa trên quy trình hậu kiểm hoặc xử lý vụ việc khi đã phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo. Thiếu vắng một cơ chế giám sát chủ động (proactive supervision) và hệ thống cảnh báo rủi ro sớm (early warning system) dựa trên dữ liệu số.

Sự quá tải của cơ quan quản lý: Tốc độ gia tăng nhanh chóng của số lượng doanh nghiệp tạo áp lực lớn lên nguồn lực thanh tra, giám sát vốn mỏng của địa phương, dẫn đến việc bỏ lọt vi phạm hoặc xử lý không triệt để.

Thứ ba, rào cản từ văn hóa pháp lý và tập quán kinh doanh địa phương. Đặc thù văn hóa kinh doanh tại Lâm Đồng nói riêng và một số địa phương nói chung vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa “trọng tình”, “nể nang”. Điều này tạo ra xung đột trực tiếp với các nguyên tắc quản trị công ty hiện đại:

Vô hiệu hóa cơ chế “Kiểm soát và Đối trọng” (Checks and Balances): Trong cấu trúc quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đóng vai trò then chốt trong việc giám sát. Tuy nhiên, do tâm lý ngại va chạm, sợ ảnh hưởng đến các mối quan hệ cá nhân (personal ties), chức năng giám sát này thường bị tê liệt. Sự chất vấn hay phản biện bị coi là hành động “gây mất đoàn kết” thay vì là một yêu cầu bắt buộc của quản trị minh bạch.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã tập trung làm rõ bức tranh toàn cảnh về thực trạng pháp luật quản trị công ty cổ phần thông qua dữ liệu thực chứng và hoạt động xét xử tại tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù số lượng doanh nghiệp gia tăng, song chất lượng quản trị tại địa phương vẫn tồn tại khoảng cách lớn so với các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp 2020 và thông lệ tốt.

Đặc thù sở hữu mang tính “gia đình trị” và cô đặc tại các doanh nghiệp địa phương đã vô hiệu hóa nhiều thiết chế kiểm soát nội bộ. Các quy định về vai trò của thành viên HĐQT độc lập hay Ban Kiểm soát khi áp dụng vào thực tiễn thường mang tính hình thức, thiếu tính độc lập. Nghiêm trọng hơn, cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số và kiểm soát giao dịch tư lợi – hai trụ cột chính của pháp luật quản trị công ty – đang gặp nhiều rào cản thực thi, từ việc tiếp cận thông tin nội bộ đến gánh nặng chứng minh thiệt hại trong các vụ kiện trách nhiệm người quản lý tại cơ quan tài phán.

Những bất cập, vướng mắc được nhận diện trong chương này không chỉ xuất phát từ sự chồng chéo, thiếu cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật mà còn đến từ năng lực thực thi của cơ quan quản lý nhà nước và nhận thức pháp lý của doanh nghiệp. Đây là cơ sở thực tiễn cốt yếu để Luận văn đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trong Chương 3 tiếp theo.

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện pháp luật

3.1.1. Quan điểm chính trị - pháp lý về phát triển kinh tế tư nhân

Việc hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty (QTCT) tại Lâm Đồng cần quán triệt sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Cụ thể, cần thể chế hóa tinh thần Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu “khuyến khích doanh nhân thực hiện liên chính trong kinh doanh” và “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Đối với Lâm Đồng, địa phương có đặc thù kinh tế dựa trên nông nghiệp công nghệ cao và du lịch, tư duy lập pháp cần chuyển dịch mạnh mẽ từ cơ chế “quản lý hành chính mệnh lệnh” sang mô hình “Nhà nước kiến tạo”. Pháp luật không chỉ đóng vai trò là công cụ kiểm soát mà phải trở thành khung khổ an toàn để thúc đẩy các doanh nghiệp gia đình, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) chuyển đổi sang mô hình quản trị chuyên nghiệp, minh bạch.

Hoạt động hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản trị công ty (QTCT) cần được xây dựng trên nền tảng thể chế hóa sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, coi đây là kim chỉ nam cho tư duy lập pháp. Kế thừa tinh thần của Nghị quyết số 10-NQ/TW (Hội nghị Trung ương 5 khóa XII) về việc xác định kinh tế tư nhân là “động lực quan trọng” của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật hiện hành cần tiếp tục mở rộng cơ chế khuyến khích các mô hình tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu, cũng như thúc đẩy sự tham gia của tư nhân vào tiến trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thông qua cơ chế góp vốn, mua cổ phần. Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đánh dấu một bước tiến mới trong tư duy lý luận, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao năng lực quản trị nội bộ của khu

vực này tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế (OECD). Nghị quyết nhấn mạnh vai trò của kinh tế tư nhân không chỉ ở khía cạnh đóng góp GDP mà còn ở khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo. Theo đó, tư duy pháp lý về QTCT cần có sự chuyển dịch căn bản từ cơ chế “quản lý hành chính mệnh lệnh” sang mô hình “Nhà nước kiến tạo và hỗ trợ”. Cụ thể:

Thứ nhất, về kỹ thuật lập pháp: Cần thay thế các quy định cứng nhắc về cơ cấu tổ chức bằng các quy phạm mang tính tùy nghi và linh hoạt hơn, trao quyền tự chủ tối đa cho doanh nghiệp trong việc thiết kế mô hình quản trị phù hợp với quy mô và đặc thù kinh doanh.

Thứ hai, về nguyên tắc quản trị: Pháp luật cần thiết lập cơ chế bắt buộc về minh bạch hóa thông tin và trách nhiệm giải trình (accountability). Đây là nền tảng cốt lõi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông (đặc biệt là cổ đông thiểu số) cũng như các bên có quyền lợi liên quan (stakeholders), đảm bảo sự phát triển bền vững và lành mạnh của thị trường vốn.

3.1.2. Nguyên tắc tiếp cận: Tiệm cận chuẩn mực quốc tế và phù hợp đặc thù địa phương

Quá trình hoàn thiện pháp luật cần đảm bảo sự cân bằng giữa hai yếu tố:

Tính hiện đại: Tiếp thu có chọn lọc các nguyên tắc QTCT của G20/OECD, đặc biệt là các trụ cột về: (i) Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; (ii) Minh bạch và công bố thông tin; (iii) Trách nhiệm giải trình của Hội đồng quản trị (HĐQT).

Tính đặc thù: Các quy phạm pháp luật phải tính đến khả năng tuân thủ của doanh nghiệp Lâm Đồng – nơi phần lớn là các công ty chưa đại chúng, quy mô vốn từ 50-200 tỷ đồng, cấu trúc sở hữu mang tính tập trung (gia đình trị). Tránh tình trạng “luật treo” do quy định quá cao so với thực lực của doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật

Trên cơ sở phân tích các bất cập tại Chương 2, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện chế tài pháp lý (Giải quyết nguyên nhân thứ nhất).

Để chế tài đủ sức răn đe, cần chuyển dịch từ tư duy "phạt cho tồn tại" sang tư duy “triệt tiêu động cơ vi phạm”:

Áp dụng nguyên tắc “Phạt theo tỷ lệ doanh thu/lợi nhuận”: Kiến nghị sửa đổi quy định xử phạt không theo mức trần cố định (ví dụ: tối đa 100 triệu đồng) mà tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng doanh thu hoặc trên số lợi bất hợp pháp thu được từ hành vi vi phạm. Điều này đảm bảo nguyên tắc: Chi phí vi phạm phải luôn lớn hơn lợi ích thu được từ vi phạm.

Tăng cường trách nhiệm cá nhân (Personal Liability): Quy định rõ chế tài xử phạt trực tiếp vào túi tiền của người quản lý (Thành viên HĐQT, Giám đốc) thay vì chỉ phạt pháp nhân doanh nghiệp. Nếu phạt doanh nghiệp, thực chất là cổ đông đang chịu phạt thay cho lỗi của người quản lý.

Bổ sung chế tài “Cấm đảm nhiệm chức vụ có thời hạn hoặc vĩnh viễn”: Đối với các vi phạm nghiêm trọng về quản trị (như giao dịch tư lợi không công bố), cần áp dụng hình thức cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý tại bất kỳ doanh nghiệp nào trong một khoảng thời gian (3-5 năm). Đây là “án tử” đối với sự nghiệp của một nhà quản lý, có sức răn đe cao hơn tiền bạc.

3.2.2. Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế thực thi (Giải quyết nguyên nhân thứ hai).

Chuyển đổi số trong giám sát (Digital Surveillance): Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giữa Cơ quan Thuế, Sở KH&ĐT và Ngân hàng để tự động phát hiện các giao dịch bất thường, các dấu hiệu chuyển giá hoặc sở hữu chéo phức tạp. Chuyển từ “hậu kiểm thủ công” sang “giám sát dựa trên rủi ro” (Risk-based supervision).

Cơ chế khuyến khích tố giác (Whistleblowing): Thiết lập cơ chế bảo vệ và khen thưởng vật chất xứng đáng cho người nội bộ (nhân viên, kế toán) tố giác sai phạm của doanh nghiệp. Đây là “tai mắt” hiệu quả nhất để bù đắp cho sự thiếu hụt nhân sự của cơ quan quản lý.

3.2.3. Nhóm giải pháp về văn hóa và quản trị nội bộ (Giải quyết nguyên nhân thứ ba).

Bắt buộc sử dụng Thành viên HĐQT độc lập “thực chất”: Đối với các công ty đại chúng hoặc quy mô lớn tại địa phương, cần quy định bắt buộc tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập phải là người không có quan hệ địa phương hoặc được tuyển chọn từ cơ sở dữ liệu chuyên gia quốc gia, nhằm phá vỡ tính cục bộ và tâm lý “nể nang”.

Minh bạch hóa thông tin: Yêu cầu công khai biên bản họp HĐQT, các nghị quyết và giải trình các giao dịch với bên liên quan lên cổng thông tin điện tử. Sự giám sát của công chúng và báo chí sẽ tạo áp lực buộc doanh nghiệp phải tuân thủ chuẩn mực, giảm bớt sự chi phối của các mối quan hệ cá nhân kín đáo.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế pháp lý và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi tại tỉnh Lâm Đồng

Nhằm khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng pháp luật một cách cơ học và thiếu tính đặc thù, nhóm giải pháp dưới đây tập trung vào việc thiết lập các quy chế phối hợp liên ngành và chuẩn hóa khung khổ quản trị nội bộ doanh nghiệp, dựa trên nền tảng chuyển đổi số và minh bạch hóa thông tin.

3.3.1. Thể chế hóa cơ chế “Quản trị số” và “Liên thông dữ liệu pháp lý”

Xây dựng và ban hành Quy chế vận hành “Cổng thông tin Dữ liệu quản trị doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng”

Cơ sở thực tiễn: Khắc phục tình trạng bất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp và các bên hữu quan (cổ đông, đối tác, ngân hàng), đồng thời giải quyết sự đứt gãy thông tin giữa khâu gia nhập thị trường (Đăng ký kinh doanh) và khâu thực thi pháp luật (Thuế, Tòa án, Thi hành án).

Kiến nghị pháp lý cụ thể: UBND tỉnh Lâm Đồng cần ban hành Quyết định về việc thiết lập hệ thống đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hệ thống này (tích hợp trên cổng thông tin Sở Kế hoạch và Đầu tư) không chỉ dừng lại ở chức năng công bố thông tin cơ bản mà phải vận hành như một công cụ “Hậu kiểm số” với cơ chế xếp hạng tín nhiệm pháp lý (Compliance Credit Rating) tự động:

Mức độ An toàn (Xanh): Doanh nghiệp hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ công bố Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và không có nợ thuế quá hạn theo quy định của Luật Quản lý Thuế và Luật Doanh nghiệp.

Mức độ An toàn (Xanh): Doanh nghiệp hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ công bố Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và không có nợ thuế quá hạn theo quy định của Luật Quản lý Thuế và Luật Doanh nghiệp.

Mức độ Rủi ro (Đỏ): Doanh nghiệp đang bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin, hoặc đang là đương sự trong các vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại (dựa trên dữ liệu liên thông).

Cơ chế tác động: Sử dụng áp lực từ thị trường và uy tín thương mại như một chế tài “mềm”, buộc doanh nghiệp phải tự hoàn thiện năng lực quản trị để duy trì hồ sơ tín nhiệm sạch.

Thiết lập “Cơ chế phong tỏa hành chính tạm thời” thông qua Quy chế phối hợp liên ngành

Cơ sở pháp lý: Căn cứ vào Luật Tổ tụng Dân sự, Luật Thi hành án dân sự và Luật Doanh nghiệp.

Vấn đề pháp lý: Ngăn chặn rủi ro tẩu tán tài sản hoặc thay đổi cấu trúc sở hữu nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý khi đang có tranh chấp (hiện tượng “sự đã rồi”).

Kiến nghị pháp lý cụ thể: UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT), Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thuế và Cục Thi hành án dân sự tỉnh ký kết Quy chế phối hợp chia sẻ dữ liệu và xử lý hồ sơ doanh nghiệp. Nội dung cốt lõi của Quy chế:

Nghĩa vụ thông báo tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh có trách nhiệm thiết lập đường truyền dữ liệu hoặc gửi văn bản điện tử ngay lập tức cho Phòng Đăng ký kinh doanh khi thụ lý các vụ án liên quan đến tranh chấp thành viên, cổ đông hoặc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Cơ chế “Tạm dừng biến động”: Phòng Đăng ký kinh doanh được quyền (và có trách nhiệm) tạm dừng/hoãn giải quyết các hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật, chuyển nhượng vốn hoặc giảm vốn điều lệ đối với các doanh nghiệp đang trong diện tranh chấp nêu trên cho đến khi có phán quyết có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều này cần được cụ thể hóa trong quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của Sở.

3.3.2. Chuẩn hóa mô hình quản trị đặc thù cho doanh nghiệp địa phương

Khuyến nghị chuyển đổi mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế (Mô hình Ủy ban Kiểm toán)

Phân tích pháp lý: Theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, công ty cổ phần được quyền lựa chọn mô hình quản trị. Thực tiễn tại các KCN Phú Hội, Lộc Sơn cho thấy Mô hình 1 (có Ban Kiểm soát) hoạt động kém hiệu quả do thiếu tính độc lập.

Kiến nghị:

Sở KH&ĐT phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh ban hành: Văn bản hướng dẫn và khuyến khích các công ty cổ phần có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng chuyển đổi sang Mô hình 2 (Mô hình quản trị một cấp có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT).

Tận dụng nguồn lực chất lượng cao (chuyên gia, nhân sự cấp cao nghỉ hưu tại Đà Lạt) để tham gia với tư cách Thành viên HĐQT độc lập. Mô hình này chuyển trọng tâm từ “hậu kiểm” (của Ban Kiểm soát) sang giám sát trực tiếp quá trình ra quyết định của Ban Điều hành, nâng cao tính minh bạch.

Xây dựng “Điều lệ mẫu” với các điều khoản bảo vệ cổ đông thiểu số (Anti-dilution & Protection clauses)

Vấn đề pháp lý: Giải quyết xung đột lợi ích (Agency Problem) trong các doanh nghiệp gia đình, đặc biệt là các hành vi giao dịch tư lợi (Self-dealing) gây thiệt hại cho cổ đông thiểu số tại các doanh nghiệp trà, cà phê, nông sản.

Kiến nghị bổ sung quy định nội bộ: Khuyến nghị các doanh nghiệp xây dựng Điều lệ công ty áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn mức tối thiểu của Luật Doanh nghiệp 2020 (Super-majority voting rules):

Quyền phủ quyết giao dịch trọng yếu: Quy định các giao dịch với người có liên quan có giá trị từ 20% tổng tài sản (thấp hơn mức 35% của Luật) phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tỷ lệ thông qua nghị quyết: Nâng tỷ lệ thông qua các quyết định quan trọng (bán tài sản, sáp nhập, đầu tư lớn) lên mức 75% hoặc cao hơn (thay vì 65%), nhằm đảm bảo sự đồng thuận rộng rãi và bảo vệ quyền lợi cổ đông nhỏ.

Bầu dồn phiếu (Cumulative Voting): Quy định bắt buộc áp dụng phương thức bầu dồn phiếu trong bầu cử HĐQT để đảm bảo cổ đông thiểu số có cơ hội đưa người đại diện vào cơ cấu quản trị.

Ứng dụng công nghệ bỏ phiếu điện tử (E-voting) theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020. Giải pháp: Để khắc phục trở ngại địa lý và đảm bảo túc số cuộc họp ĐHĐCĐ, các doanh nghiệp cần quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc chấp nhận hình thức tham dự và biểu quyết trực tuyến. Đây là cơ sở pháp lý để công nhận tính hợp pháp của các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua từ xa.

3.3.3. Nâng cao năng lực xét xử của Tòa án địa phương

Để đảm bảo môi trường pháp lý an toàn, minh bạch cho các công ty cổ phần tại Lâm Đồng, việc nâng cao năng lực của cơ quan tài phán và đa dạng hóa phương thức giải quyết tranh chấp là yêu cầu cấp thiết. Tác giả đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Chuyên môn hóa và nâng cao nghiệp vụ xét xử cho đội ngũ Thẩm phán

Thứ nhất, tăng cường đào tạo chuyên sâu về pháp luật kinh doanh: Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng cần chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ, tập trung vào các chế định mới và phức tạp của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán. Các chuyên đề tập huấn cần đi sâu vào kỹ năng đánh giá chứng cứ đối với các hành vi vi phạm “nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp”,

nhận diện “giao dịch với người có liên quan” và xác định thiệt hại trong tranh chấp cổ đông. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp, trao đổi nghiệp vụ thường xuyên với Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM và mời các chuyên gia pháp lý, trọng tài viên kinh tế tham gia chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

Thứ hai, phát huy vai trò của án lệ và công khai bản án: Cần khuyến khích và đẩy mạnh việc lựa chọn, đề xuất phát triển các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án địa phương thành nguồn án lệ, đặc biệt là các vụ việc điển hình về tranh chấp nội bộ doanh nghiệp. Việc công khai minh bạch các bản án xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm nghĩa vụ quản trị trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án không chỉ đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng pháp luật mà còn tạo ra cơ chế răn đe hiệu quả, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật (compliance) cho cộng đồng doanh nhân trong tỉnh.

Thứ ba, thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) phù hợp với đặc thù địa phương. Bên cạnh con đường Tòa án, tỉnh Lâm Đồng cần chú trọng phát triển các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế (ADR), đặc biệt là hòa giải thương mại, dựa trên các luận điểm sau:

Một là, tận dụng đặc điểm văn hóa – xã hội: Với đặc thù văn hóa kinh doanh tại Lâm Đồng thường gắn liền với các mối quan hệ xã hội đan xen (họ hàng, làng xóm, đối tác lâu năm), việc đưa tranh chấp ra Tòa án thường được xem là giải pháp “cực chẳng đã” và có thể làm đổ vỡ hoàn toàn mối quan hệ hợp tác. Do đó, cơ chế hòa giải thương mại với đặc tính bảo mật, thân thiện và linh hoạt sẽ phù hợp hơn để giải quyết các mâu thuẫn nội bộ doanh nghiệp ngay từ giai đoạn khởi phát.

Hai là, phát triển hạ tầng hỗ trợ pháp lý: Sở Tư pháp và các cơ quan hữu quan cần có chính sách khuyến khích thành lập hoặc thu hút các Trung tâm Hòa giải thương mại, Trung tâm Trọng tài uy tín mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Lâm Đồng. Đồng thời, cần phát huy hiệu quả của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, tạo điều kiện cho các bên trong công ty cổ phần tìm được tiếng nói chung trước khi bước vào quy trình tố tụng chính thức.

3.3.4. Cơ chế giám sát chuyên biệt đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước

Đối tượng: Các công ty trong lĩnh vực công ích, đô thị, thủy lợi, du lịch có vốn nhà nước. Kiến nghị điều chỉnh chính sách:

Sở Nội vụ và UBND tỉnh cần rà soát, sửa đổi quy chế đánh giá Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chuyển dịch tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động: Thay vì chỉ tập trung vào chỉ tiêu tài chính ngắn hạn, cần tích hợp “Điểm số Quản trị công ty” (Corporate Governance Scorecard) – dựa trên Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất (CG Code) – làm tiêu chí trọng yếu trong thi đua khen thưởng và bổ nhiệm lại.

Yêu cầu kiểm toán bắt buộc: Quy định bắt buộc kiểm toán độc lập đối với tất cả các công ty cổ phần có vốn nhà nước nắm giữ từ 35% trở lên (mở rộng đối tượng so với quy định hiện hành nếu cần thiết thông qua điều lệ công ty) nhằm minh bạch hóa các giao dịch, ngăn chặn thất thoát tài sản qua các “hợp đồng sân sau”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hệ thống các giải pháp được đề xuất tại Chương 3 không chỉ dừng lại ở các kiến nghị lập pháp mang tính vĩ mô, mà tập trung sâu xoáy sâu vào các giải pháp thực thi phù hợp với đặc thù kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng.

Điểm nhấn của chương là đề xuất chuyển dịch từ quản lý thụ động sang “quản trị số” thông qua cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành và hệ thống cảnh báo rủi ro sớm. Đồng thời, việc phân loại giải pháp cho từng nhóm doanh nghiệp (doanh nghiệp gia đình ngành nông nghiệp và doanh nghiệp có vốn nhà nước) đảm bảo tính khả thi, tránh tình trạng “đồng phục hóa” các giải pháp. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là giảm thiểu các tranh chấp pháp lý tại Tòa án, mà là kiến tạo một môi trường kinh doanh minh bạch, nơi các công ty cổ phần tại Lâm Đồng có thể lớn mạnh, thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh để phát triển bền vững, tương xứng với tiềm năng của địa phương.

Tính đặc thù: Giải pháp đã chỉ ra con đường chuyển đổi mô hình quản trị cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp gia đình – lực lượng nòng cốt của kinh tế tỉnh nhà – thông qua việc tận dụng nguồn nhân lực chuyên gia tại chỗ và cơ chế kiểm soát nội bộ thực chất.

Tính đột phá: Đề xuất về “Số hóa quản trị” và cơ chế phối hợp liên ngành giữa Sở KH&ĐT – Cơ quan Thuế – Tòa án là bước đi cần thiết để kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư khi rót vốn vào các lĩnh vực thế mạnh của Lâm Đồng như nông nghiệp và du lịch.

Tính khả thi: Việc khuyến khích áp dụng các quy tắc quản trị tiên bộ (như bỏ phiếu đồn phiếu, E-voting) được thực hiện dựa trên nền tảng pháp lý hiện hành, giúp doanh nghiệp chủ động phòng ngừa tranh chấp, giảm tải áp lực cho hệ thống tư pháp địa phương.

PHẦN KẾT LUẬN

Quản trị công ty cổ phần không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là nền tảng cốt lõi để doanh nghiệp phát triển bền vững, minh bạch và hiệu quả trong nền kinh tế thị trường. Qua quá trình nghiên cứu đề tài “Pháp luật về quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng”, luận văn đã giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra và rút ra những kết luận chính sau đây:

Thứ nhất, về mặt lý luận, luận văn đã hệ thống hóa được khung pháp lý hiện hành về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019. Sự chuyển dịch tư duy từ “quản lý doanh nghiệp” sang “quản trị công ty” theo chuẩn mực quốc tế là một xu thế tất yếu, nhằm tách bạch quyền sở hữu và quyền quản lý, bảo vệ tối đa quyền lợi của các cổ đông.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, luận văn đã phác họa bức tranh toàn cảnh về hoạt động quản trị công ty tại tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh những thành tựu bước đầu trong việc chuẩn hóa mô hình tổ chức, thực tiễn tại địa phương vẫn còn tồn tại nhiều bất cập mang tính đặc thù. Đó là sự phổ biến của mô hình “gia đình trị” trong các công ty tư nhân và tư duy “hành chính hóa” trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Các vi phạm về trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, sự mờ nhạt của Ban Kiểm soát, và đặc biệt là tình trạng thiếu kiểm soát đối với các giao dịch tư lợi đang là những rào cản lớn khiến môi trường kinh doanh tại Lâm Đồng chưa thực sự minh bạch và hấp dẫn nhà đầu tư chuyên nghiệp.

Thứ ba, nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ cả hai phía: sự thiếu hoàn thiện của các quy định pháp luật (về chế tài, về tiêu chuẩn thành viên độc lập) và năng lực thực thi còn hạn chế của doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích đó, luận văn đã đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ.

Về lập pháp: Kiến nghị hoàn thiện quy định về trách nhiệm bồi thường của người quản lý và cơ chế khởi kiện của cổ đông; linh hoạt hóa tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập.

Về thực thi tại Lâm Đồng: Đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh tăng cường giám sát dựa trên rủi ro, xây dựng cơ sở dữ liệu số; đồng thời khuyến nghị các doanh nghiệp địa phương chủ động “may đo” quy chế quản trị nội bộ và ứng dụng công nghệ số (E-voting) để nâng cao hiệu quả quản trị.

Tóm lại, việc nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại tỉnh Lâm Đồng là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức của cộng đồng doanh nhân địa phương cùng sự hỗ trợ, giám sát chặt chẽ của cơ quan công quyền. Tác giả hy vọng những kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, góp phần nhỏ bé vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Quốc hội (2019), *Luật Chứng khoán*, số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019.
2. Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp*, số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020.
3. Quốc hội (2020), *Luật Đầu tư*, số 61/2020/QH14, ngày 17/06/2020.
4. Quốc hội (2020), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14*, ngày 17/06/2020.
5. Quốc hội (2022), *Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự*, ngày 11/01/2022.
6. Chính phủ (2020), *Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán*, ngày 31/12/2020.
7. Chính phủ (2021), *Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp*, ngày 04/01/2021.
8. Chính phủ (2021), *Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp*, ngày 01/4/2021.
9. Chính phủ (2021), *Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư*, ngày 28/12/2021.
10. Bộ Tài chính (2020), *Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*, ngày 16/11/2020
11. Bộ Tài chính (2020), *Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*, ngày 31/12/2020.
12. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) phát hành 2019, *Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất (Vietnam Corporate Governance Code of Best Practices – CG Code)*
13. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

II. Sách, giáo trình, luận văn và bài báo khoa học

14. Nguyễn Dương Yến Nhi (2021), *Pháp luật về Quản trị công ty cổ phần từ thực tiễn tại Thành phố Cần Thơ*, Luận văn Thạc sĩ Luật kinh tế, Đại học Nam Cần Thơ.
15. Phạm Quý Đạt (2022), *Mô hình quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
16. Lê Minh Toàn (2021), Bàn về mô hình quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2020, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 05 (429).
17. Nguyễn Chí Dũng (2022), Pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 – Bất cập và một số kiến nghị, *Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển*, Số 14.
18. Đặng Hoài Đình (2023), Quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam: Các nhân tố ảnh hưởng và phương hướng hoàn thiện, *Tạp chí Công thương*, Số 22, tháng 9/2023.
19. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2023), Hoàn thiện quy định pháp luật về Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần, *Tạp chí Công thương*, Số 14, tr. 126-130.
20. Trương Nhật Quang (2021), *Pháp luật về Doanh nghiệp*, NXB Dân trí, Hà Nội.
21. Nguyễn Ngọc Bích và Nguyễn Đình Cung (2009). *Công ty: Vốn, Quản lý và Tranh chấp*. Hà Nội: NXB Tri thức.
22. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Doanh nghiệp*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
23. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021). *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam - Tập 1*. Hà Nội: NXB Công an Nhân dân.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức. TP. Hồ Chí Minh.
25. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước & IFC (2019), *Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất (Vietnam Corporate Governance Code of Best Practices)*, Hà Nội.

III. Tài liệu tiếng Anh

26. Kraakman, R., Armour, J., Davies, P., Enriques, L., Hansmann, H., Hertig, G., Hopt, K., Kanda, H., Pargendler, M., Ringe, W. G. & Rock, E. (2024), *The Anatomy of Corporate Law: A Comparative and Functional Approach*, 4th edition, Oxford University Press.

27. The OECD (2023), *G20/OECD Principles of Corporate Governance*, OECD Publishing, Paris.

28. Jensen, M.C. và Meckling, W.H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3(4), tr. 305-360.

29. Freeman, R.E. (2010). *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Cambridge University Press.

IV. Tài liệu tham khảo từ thực tiễn Lâm Đồng

30. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng (2025), *Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng năm 2024*, NXB Thống kê.

31. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (2023), *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp và thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2023*.

32. UBND tỉnh Lâm Đồng (2021), Kế hoạch số 4515/KH-UBND về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025, ngày 30/06/2021.

33. Các Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng (LAW), Công ty CP Dược Lâm Đồng (LDP), Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) (2025), *Báo cáo thường niên năm 2024*, công bố tại website các doanh nghiệp.

V. Tài liệu trang Web

34. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD),
<https://legalinstruments.oecd.org/en>

35. <https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0413>

36. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Truy cập tại: <https://vbpl.vn/>

37. OECD, *G20/OECD Principles of Corporate Governance 2023*, Truy cập tại: https://www.oecd.org/vi/publications/bo-nguyen-tac-quan-tri-cong-ty-g20-oecd-2023_5e30b009-vi.html

38. Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:
<https://lamdong.toaan.gov.vn/webcenter/portal/lamdong/home>

PHẦN PHỤ LỤC